

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRƯỜNG THỊ DIỆU

**PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
DO CHẤT THẢI Y TẾ Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. VŨ THỊ DUYÊN THỦY

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 7 năm 2019

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Trương Thị Diệu

Lời Cảm Ơn

Để hoàn thành tốt đề tài luận văn tốt nghiệp này, ngoài sự nỗ lực cố gắng của bản thân, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Quý thầy cô trong và ngoài trường Đại học Luật, Đại học Huế đã tạo điều kiện cho tôi có môi trường học tập tốt trong suốt thời gian tôi học tập và nghiên cứu tại trường.

Xin chân thành tỏ lòng biết ơn đến PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy, người đã hết lòng giúp đỡ và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành đề tài luận văn tốt nghiệp này.

Tôi xin chân thành cảm ơn đến gia đình, các anh chị và các bạn đồng nghiệp đã hỗ trợ cho tôi rất nhiều trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ một cách hoàn chỉnh.

Mặc dù đã nỗ lực, song điều kiện và vốn kiến thức còn hạn chế nên Luận văn không thể tránh khỏi điểm thiếu sót. Vì vậy rất mong nhận được sự góp ý của Quý thầy cô và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn.

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 7 năm 2019

Tác giả

Trương Thị Diệu



MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục chữ viết tắt	
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Những đóng góp mới của luận văn.....	6
7. Cơ cấu của luận văn	7
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ VÀ PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ	8
1.1. Những vấn đề chung về chất thải y tế	8
1.1.1. Khái niệm chất thải y tế	8
1.1.1.1. Khái niệm	8
1.1.1.2. Phân loại chất thải y tế	11
1.1.2. Những tác hại của chất thải y tế.....	14
1.1.2.1. Ảnh hưởng của chất thải y tế đối với sức khỏe con người	14
1.1.2.2. Ảnh hưởng của chất thải y tế đối với môi trường.....	17
1.2. Những vấn đề chung về kiểm soát kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.....	18
1.2.1. Khái niệm của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế	18

1.2.2. Nội dung của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế	21
1.3. Những vấn đề chung về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.....	23
1.3.1. Khái niệm và nội dung của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế	23
1.3.1.1. Khái niệm	23
1.3.1.2. Nội dung.....	24
1.3.2. Vai trò của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ..	26
1.4. Pháp luật quốc tế và pháp luật một số nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trên thế giới	28
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	32
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ	34
2.1. Các quy định về phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường.....	34
2.1.1. Thực trạng quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.....	34
2.1.1.1. Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế QCVN28:2010/BTNMT	36
2.1.1.2. Quy chuẩn quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN02:2012/BTNMT.....	36
2.1.1.3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm QCVN 55:2013/BTNMT.	37
2.1.2. Các quy định về đánh giá môi trường.....	40
2.2. Các quy định về kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.....	42
2.2.1. Các quy định về quan trắc hiện trạng môi trường y tế.....	42
2.2.2. Quy định về nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường của các chủ thể	46

2.3. Các quy định về khắc phục ô nhiễm, cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế	54
2.4. Các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế	58
2.4.1. Các quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật môi trường y tế.....	59
2.4.2. Trách nhiệm hành chính.....	63
2.4.3. Trách nhiệm dân sự.....	71
2.4.4. Trách nhiệm hình sự.....	74
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	77
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU ĐẶT RA VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM.....	79
3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế	79
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam.....	82
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam.....	88
3.3.1. Giải pháp khoa học và công nghệ	88
3.3.2. Giải pháp xã hội hóa hoạt động kiểm soát chất thải y tế	90
3.3.3. Giải pháp tài chính	92
3.3.4. Giải pháp hợp tác quốc tế.....	93
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	95
KẾT LUẬN.....	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	97

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BV:	Bệnh viện
BVMT:	Bảo vệ môi trường
BYT:	Bộ Y tế
CTYT:	Chất thải y tế
CTR:	Chất thải rắn
CTRYT:	Chất thải rắn y tế
CTNH:	Chất thải nguy hại
ÔNMT:	Ô nhiễm môi trường

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế – xã hội gắn với coi trọng bảo vệ, cải thiện môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo tiền đề tốt để tăng cường công tác bảo vệ môi trường thời gian tới. Tuy nhiên sự gia tăng của dân số, sự phát triển của nền kinh tế làm phát sinh lượng chất thải ngày càng gia tăng đã và đang gây áp lực đến sức khỏe con người và môi trường. Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam thì việc hoàn thiện và tăng cường hệ thống pháp luật kiểm soát và bảo vệ môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng. Kiểm soát ô nhiễm môi trường tốt sẽ giảm thiểu các rủi ro gây tổn thương đối với cộng đồng trước các vấn đề môi trường nan giải, phục vụ cho việc hoạch định tốt các chính sách công của Đảng và Nhà nước. Kiểm soát ô nhiễm môi trường tốt sẽ đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của con người, giảm thiểu các chi phí cho việc khôi phục môi trường khi có ô nhiễm, suy thoái hay sự cố môi trường xảy ra, bớt chi phí và đồng nghĩa với việc quản lý môi trường có hiệu quả hơn. Chính vì vậy, vấn đề xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường nói chung, về kiểm soát ô nhiễm môi trường nói riêng đang là một yêu cầu cấp thiết để bảo vệ môi trường đồng thời để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh ở Việt Nam không bị thua thiệt khi tham gia vào nền kinh tế thế giới.

Một trong những thách thức về môi trường ở Việt Nam hiện nay là vấn đề xử lý chất thải – trong số đó phải kể đến chất thải y tế - loại chất thải tiềm tàng nhiều nguy cơ gây hại cho sức khỏe con người cũng như cho môi trường. Chất thải y tế là loại chất thải rất nguy hại, nó không giống những loại chất

thải khác là ở khả năng lây nhiễm, có độc tính cao gây hại cho sức khỏe cộng đồng và môi trường. Nếu không được quản lý, kiểm soát và xử lý đúng trình tự thì rác thải y tế có thể gây ra những hậu quả lâu dài và nghiêm trọng cho môi trường và cuộc sống chúng ta. Chính vì vậy việc kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trở thành vấn đề nóng bỏng trong công tác bảo vệ môi trường hiện nay. Đặc biệt tại các thành phố lớn, những nơi tập trung rất nhiều các bệnh viện tuyến trung ương cũng như của địa phương, các cơ sở y tế nhỏ lẻ.... Vấn đề xử lý kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế được các cấp chính quyền dành nhiều sự quan tâm, tuy nhiên cho đến hiện nay vẫn chưa thực sự tìm được giải pháp triệt để để giải quyết. Vẫn có rất nhiều vấn đề, nhiều vụ việc liên quan đến việc kiểm soát và xử lý chất thải y tế gây bức xúc trong dư luận. Để thực hiện hiệu quả các vấn đề liên quan đến kiểm soát chất thải y tế thì vai trò của các giải pháp pháp lý là vô cùng quan trọng. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trên và với mong muốn có những góp ý góp phần hoàn thiện pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế để góp phần vào công cuộc bảo vệ môi trường sống, tôi đã chọn nghiên cứu đề tài ***“Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam”*** làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Lĩnh vực bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm từ trước đến nay luôn dành được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều chuyên gia. Đặc biệt là về các khía cạnh pháp lý, bởi từ xưa đến nay pháp luật vẫn được xem như là công cụ quản lý hiệu quả nhất để điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội. Khi đời sống con người nâng cao, nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cũng ngày càng tăng. Chất thải y tế theo đó cũng càng nhiều hơn về số lượng. Đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về chất thải y tế. Nhưng phần lớn các nghiên cứu ấy thiên về lĩnh vực quản lý chất thải y tế, các nghiên cứu về

khía cạnh kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế thì ít hơn. Vấn đề pháp luật quản lý chất thải y tế đặt trong mối liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, có thể kể tên một số nghiên cứu như: Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Vũ Thị Duyên Thủy (2009): *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam”*, luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội. *“Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra ở Việt Nam hiện nay”*, luận văn thạc sĩ luật học của Bùi Kim Hiếu (2010), Học viện Khoa học và xã hội, Luận văn đã phân tích đánh giá tương đối đầy đủ và toàn diện thực trạng pháp luật về bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam và việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn từ đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của các quy định đồng thời đề ra được phương hướng và các giải pháp khắc phục nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường gây ra ở Việt Nam. *“Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An”* Luận văn tốt nghiệp của Nguyễn Thị Tiến (2014) Trường Đại học Khoa học tự nhiên, luận văn đã mô tả hiện trạng quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Vinh, đánh giá công tác quản lý, xử lý chất thải y tế của các bệnh viện từ đó đề xuất các giải pháp quản lý chất thải y tế. *“Pháp luật về quản lý chất thải y tế ở Việt Nam”* Luận văn tốt nghiệp của Đào Huyền Trang (2016) Đại học Luật Hà Nội, luận văn đã tìm hiểu, phân tích, đánh giá về chất thải y tế, quá trình quản lý chất thải y tế và các quy định pháp luật liên quan đến quá trình quản lý chất thải y tế tại Việt Nam, trên cơ sở đó luận văn đưa ra một số giải pháp phù hợp để hoàn thiện pháp luật đồng thời nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quản lý chất thải y tế.

Ngoài ra còn có một số đề tài, bài viết của một số tác giả như: Đề tài nghiên cứu khoa học của Bộ Y tế, *“Mô tả thực trạng ô nhiễm môi trường*

do chất thải y tế, các giải pháp xử lý chất thải y tế và triển khai mô hình quản lý chất thải y tế tại bệnh viện, trung tâm y tế huyện”, do PGS.TS. Đào Ngọc Phong (chủ nhiệm đề tài), Cơ quan chủ trì Đại học Y Hà Nội năm 2007; Phạm Hữu Nghị, Bùi Đức Hiền (2011), “*Các quy định pháp luật về thiệt hại, xác định thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra và định hướng xây dựng, hoàn thiện*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, Số1/2011, tr. 40 – 47; Nguyễn Võ Hình (2013) “*Nguy cơ môi trường ô nhiễm ảnh hưởng sức khỏe do chất thải y tế*”. Điểm chung của các công trình khoa học nêu trên là đều đề cập đến vấn đề môi trường dưới góc độ các quy định của pháp luật, trong đó có nhiều góc độ khác nhau cũng đã đề cập liên quan đến pháp luật về quản lý chất thải y tế. Cho đến nay chưa có công trình nghiêm cứu nào của thạc sĩ luật học đề cập trực tiếp tới vấn đề pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam. Vì vậy với đề tài “*Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam*” tôi mong muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào việc hệ thống và phân tích toàn diện các vấn đề pháp lý liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trên phạm vi cả nước, đồng thời góp phần xây dựng và hoàn thiện một số quy định pháp luật để hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế được hiệu quả hơn.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Mục đích nghiên cứu của đề tài này là tìm hiểu, phân tích đánh giá về chất thải y tế, quá trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế và các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Trên cơ sở đó luận văn sẽ đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật đồng thời nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện mục đích đó, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế và pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

- Tìm hiểu, đánh giá thực trạng của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế; qua đó chỉ ra những ưu điểm và những mặt còn hạn chế, bất cập cần được khắc phục.

- Trên cơ sở các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật nêu trên, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế của nước ta hiện nay, nâng cao hiệu quả việc thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trong cả nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các các quan điểm, luận điểm về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế; các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam. Ngoài Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành còn có quy định tại một số văn bản pháp luật liên quan về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế như: Bộ luật Dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012...

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế, cụ thể là Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Trong luận văn này tác giả tập trung nghiên cứu các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế như: Các quy định pháp luật về phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô

nhiễm môi trường; các quy định về kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm, về cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế và quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Luận văn cũng tìm hiểu thực trạng thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở nước ta từ khi Luật Bảo vệ môi trường 2014 có hiệu lực để đưa ra các đánh giá làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, phương hướng nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở nước ta hiện nay

5. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu luận văn được dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước kết hợp với việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như:

- Phương pháp phân tích, bình luận, diễn giải, tổng hợp để nghiên cứu các vấn đề lý luận về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế (Chủ yếu sử dụng ở Chương 1);

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá số liệu về thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế (Chủ yếu sử dụng ở Chương 2);

- Phương pháp phân tích được sử dụng để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện nội dung trọng tâm của luận văn.

- Đồng thời, tác giả cũng có tham khảo các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận văn để góp phần hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn góp phần hệ thống các vấn đề về khái niệm, lý luận về chất thải y tế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế đồng thời đưa ra những phân tích, đánh giá khoa học về những ưu điểm cũng như tồn tại hạn chế của quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Luận văn cũng đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở nước ta hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế và pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

Chương 3: Yêu cầu đặt ra và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế tại Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ VÀ PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ

1.1. Những vấn đề chung về chất thải y tế

1.1.1. Khái niệm chất thải y tế

1.1.1.1. Khái niệm

Chất thải nói chung và chất thải y tế nói riêng là một vấn đề ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và xã hội. Chất thải y tế là một loại chất thải vì vậy để hiểu rõ hơn khái niệm chất thải y tế, trước hết chúng ta cần làm rõ như thế nào là chất thải

*Khái niệm chất thải

Hiện nay có nhiều định nghĩa khác nhau về chất thải tùy theo góc độ tiếp cận vấn đề này.

Theo trang WIKIPEDIA tiếng Việt thì “chất thải là những vật và chất mà người dùng không còn muốn sử dụng và thải ra, tuy nhiên trong một số ngữ cảnh nó có thể là không có ý nghĩa với người này nhưng lại là lợi ích của người khác, chất thải còn được gọi là rác. Trong cuộc sống, chất thải được hình dung là những chất không còn được sử dụng cùng với những chất độc được xuất ra từ chúng.”¹ Chất thải theo quy định tại Khoản 12 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 là: “ vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt và hoạt động khác.”

Như vậy, chất thải là tất cả những gì chúng ta không dùng tới và thải ra môi trường xung quanh. Bạn có thể tìm thấy rác thải ở bất cứ nơi đâu từ nông thôn đến thành thị, từ đất nước nghèo đói đến các cường quốc lớn mạnh. Các loại chất thải nếu không được xử lý sẽ gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

¹https://vi.wikipedia.org/wiki/Chất_thải

- Phân loại chất thải: Có 4 cách phân loại chất thải và theo mỗi cách phân loại chất thải được phân chia thành các loại cụ thể như sau:

+ Phân loại theo nguồn gốc phát sinh: Nếu phân loại theo nguồn gốc phát sinh thì chất thải có 6 loại. Bao gồm: Chất thải sinh hoạt; Chất thải văn phòng; Chất thải công nghiệp; Chất thải nông nghiệp và Chất thải xây dựng.

+ Phân loại theo mức độ nguy hại: nếu phân loại theo mức độ nguy hại thì chất thải có 2 loại chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại.

+ Phân loại theo thành phần chất thải thì chất thải được phân thành chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ.

+ Phân loại theo trạng thái tồn tại, chất thải được phân thành 03 loại: chất thải rắn, khí thải và nước thải.

*Chất thải y tế là một loại chất thải mà khái niệm của nó được quy định rõ trong các văn bản chuyên môn của các cơ quan y tế.

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) định nghĩa chất thải y tế “*bao gồm toàn bộ chất thải từ các cơ sở y tế, các trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm. Ngoài ra nó bao gồm cả các nguồn rác thải nhỏ và rải rác từ các hoạt động y tế diễn ra tại nhà như lọc máu, tiêm insulin...vv*”.²

“*Chất thải y tế bao gồm toàn bộ chất thải thải ra trong các hoạt động y tế và hoạt động chẩn đoán*” là định nghĩa về Chất thải y tế của Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (ICRC).³

Đạo luật Theo dõi Chất thải Y tế năm 1988 của nước Mỹ định nghĩa chất thải y tế là chất thải phát sinh trong quá trình nghiên cứu y học, xét nghiệm, chẩn đoán, tiêm chủng, hoặc điều trị cho người hoặc động vật.⁴

² Xem: Phạm Hồng Ngọc, *Pháp luật về quản lý chất thải y tế từ thực tiễn thành phố HNội*, Luận văn Thạc sĩ (2016) trang 7

³Xem: *Pháp luật về quản lý chất thải y tế từ thực tiễn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ của Phạm Hồng Ngọc (2016) Học Viện Khoa học Xã Hội (trang 7)

Như vậy chất thải y tế bao gồm chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế như văn phòng bác sĩ, bệnh viện, phòng khám nha khoa, phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu y khoa và phòng khám thú y. Các định nghĩa trên về chất thải y tế cơ bản làm rõ nguồn gốc phát sinh của nó.

Ở Việt Nam khái niệm như thế nào là chất thải y tế được quy định trong văn bản pháp luật lần đầu tiên vào năm 1997 tại Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ y tế về việc ban hành quy chế bệnh viện. Tại phần III của Quy chế quy định về quy chế quản lý bệnh viện, mục 12 quy định quy chế công tác xử lý chất thải đã đưa ra khái niệm chất thải y tế như sau: *“Chất thải bệnh viện bao gồm chất thải rắn lỏng và khí; là những chất thải được thải ra trong quá trình điều trị, chẩn đoán, chăm sóc và sinh hoạt. Chất thải bệnh viện có đặc tính lý học, hóa học và sinh học vừa là nguồn gây ô nhiễm môi trường vừa là nguồn lây bệnh; vì vậy xử lý và kiểm soát nghiêm ngặt chất thải là nhiệm vụ quan trọng của bệnh viện”*. Cũng theo đó năm 1999 Bộ y tế ban hành Quyết định số 2575/1999/QĐ-BYT ngày 27/8/1999 về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế cũng đã đưa ra khái niệm chất thải y tế tại khoản 2, điều 1 Quy chế này như sau *“Chất thải y tế là chất thải phát sinh trong các cơ sở y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc, xét nghiệm, phòng bệnh, nghiên cứu, đào tạo. Chất thải y tế có thể ở dạng Rắn, Lỏng, Khí”*. Như vậy có thể thấy rằng các khái niệm này cơ bản dựa theo quy định của Tổ chức y tế thế giới (WHO) về chất thải y tế và có bổ sung thêm các dạng của chất thải y tế gồm rắn, lỏng, khí.

Để đảm bảo phù hợp yêu cầu của công tác quản lý đối với chất thải y tế trong tình hình mới, năm 2007 Bộ Y tế đã ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế. Quy chế này đã đưa ra khái niệm chất thải y tế theo trạng thái tồn tại của chất thải y tế, cụ thể như sau: *“Chất thải y tế là vật*

⁴ Xem: Chất thải y tế là gì, định nghĩa, phân loại, ví dụ là hon thế nữa. Nguồn: vihema.gov.vn/chat-thai-y-te-la-gi-dinh-nghia-phan-loai-vi-du-va-hon-the-nua.html

chất ở thể rắn, lỏng và khí được thải ra từ các cơ sở y tế bao gồm chất thải y tế nguy hại và chất thải thông thường” (Khoản 1, Điều 3 Quy chế Quản lý chất thải y tế năm 2007). Quy định này có điểm mới so với các quy định trước đây là nêu ra trạng thái tồn tại của chất thải y tế “là vật chất ở thể rắn, khí, lỏng”, điều này có nghĩa là chất thải y tế tồn tại dưới dạng vật chất ở dạng rắn, dạng lỏng, dạng khí hoặc các dạng khác, những yếu tố phi vật chất không thể được coi là chất thải.

Hiện nay theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/ TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 có hiệu lực từ 01/4/2016 Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên – Môi trường thay thế Quy chế Quản lý chất thải y tế năm 2007 đã định nghĩa Chất thải y tế như sau: “*Chất thải y tế là chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, bao gồm chất thải tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và nước thải y tế.*”. Khái niệm này bao gồm các nội dung xác định chất thải y tế là chất thải, nguồn phát sinh và tính chất của chất thải y tế.

Tóm lại, trên thế giới cũng như ở nước ta và qua các giai đoạn đã có nhiều khái niệm như thế nào là chất thải y tế. Qua các khái niệm trên, ta có thể thấy một số đặc trưng cơ bản của chất thải y tế như sau:

- + Chất thải y tế là một loại chất thải, có đầy đủ đặc điểm của chất thải
- + Nguồn gốc phát sinh chất thải y tế là từ hoạt động y tế. Đây là điểm đặc biệt nhất để phân biệt chất thải y tế với các loại chất thải khác.
- + Trạng thái tồn tại của chất thải y tế dưới dạng vật chất ở dạng rắn, dạng lỏng, dạng khí hoặc các dạng khác.

1.1.1.2. Phân loại chất thải y tế

Có 2 loại chất thải y tế là chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường:

- + Chất thải y tế nguy hại là chất thải chứa yếu tố nguy hại cho sức khỏe con người và môi trường như dễ lây nhiễm, gây ngộ độc phóng xạ, dễ cháy,

dễ nổ, dễ ăn mòn hoặc có đặc tính nguy hại khác nếu những chất này không được tiêu hủy an toàn. Chất thải y tế nguy hại chiếm từ 10 – 25% tổng lượng chất thải y tế.

+ Chất thải y tế thông thường là chất thải có chứa thành phần và tính chất tương tự như chất thải sinh hoạt. Chất thải y tế thông thường không chứa các chất độc hại, các tác nhân gây bệnh đối với con người và môi trường. Chất thải y tế thông thường có thể bao gồm các vật liệu, bao gói: giấy, thùng carton; chai nhựa, chai thủy tinh không ô nhiễm..., có nguồn gốc phát sinh từ khu vực hành chính, từ các khoa, phòng không cách ly trong cơ sở y tế..., Một phần chất thải y tế thông thường có thể tái sử dụng hoặc tái chế và đem lại nguồn thu cho các cơ sở y tế. Thực hiện triệt để đúng quy định trong công tác phân loại chất thải y tế sẽ góp phần giảm tải tác động của chất thải y tế nói chung tới con người và môi trường

Theo Điều 4 Thông tư Liên tịch Số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên Môi trường, chất thải y tế được chia thành 3 nhóm: Chất thải lây nhiễm; chất thải nguy hại không lây nhiễm; CTYT thông thường.

Nhóm 1: Chất thải lây nhiễm: Là loại chất thải chứa các mầm bệnh như vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng hoặc nấm có khả năng gây bệnh cho con người. Chất thải lây nhiễm được phân thành 4 loại, bao gồm:

– *Chất thải sắc nhọn*: Là chất thải có thể gây ra các vết cắt hoặc chọc thủng, có thể nhiễm khuẩn, bao gồm: kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò; kim châm cứu, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác...

– *Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn*: Là chất thải bị thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly.

– *Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao*: Là chất thải phát sinh trong các phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III trở lên như: bệnh phẩm và dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm.

– *Chất thải giải phẫu*: Bao gồm các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.

Nhóm 2: Chất thải nguy hại không lây nhiễm. Nhóm này bao gồm các chất thải sau: Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng; Chất hàn răng amalgam thải bỏ; Chất thải nguy hại khác...

Nhóm 3: CTYT thông thường: Là chất thải không chứa các yếu tố lây nhiễm, các yếu tố nguy hại không lây nhiễm bao gồm: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các buồng bệnh (trừ các buồng bệnh cách ly); Chất thải phát sinh từ các hoạt động chuyên môn y tế không dính máu, dịch sinh học và các chất hóa học nguy hại...; Chất thải phát sinh từ các công việc hành chính; Sản phẩm thải lỏng không nguy hại; Chất thải ngoại cảnh...

Ngoài ra, cần phải đề cập tới nước thải bệnh viện. Nước thải bệnh viện bao gồm nước thải từ các phòng phẫu thuật, phòng thí nghiệm, từ các nhà vệ sinh, khu giặt là, rửa thực phẩm, như nước thải từ các khu vực xét nghiệm, chuẩn và điều trị, nước thải từ khoa ngoại, nước thải từ khu xét nghiệm và chụp X quang, nước thải từ khu khám và điều trị, nước thải từ khu bào chế dược, nước thải từ khu giải phẫu tử thi.... Căn cứ quy định Khoản 2 Điều 14 Thông tư 58 có quy định “Sản phẩm thải lỏng được thải cùng nước thải thì gọi chung là nước thải y tế”; Mục 1.3.1 của Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế QCVN28:2010/BTNMT quy định “Nước thải y tế là dung dịch được thải ra từ cơ sở khám, chữa bệnh” và quy định của Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải quy định: “Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do hoạt động của con người vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường” thì có thể hiểu nước thải y tế là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính

chất do sử dụng hoặc do hoạt động của con người trong các cơ sở y tế thải cùng nước thải vào hệ thống thoát nước hay ra môi trường.

1.1.2. Những tác hại của chất thải y tế

Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động y tế có chứa các thành phần gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp tới sức khỏe con người và môi trường. Chất thải y tế nguy hại có một trong các đặc tính sau: Gây độc; Gây dị ứng; Dễ cháy; Phản ứng; Ăn mòn: $\text{pH} \leq 2,0$ hoặc $\text{pH} \geq 12,5$; có chứa chất độc hại, kim loại nặng như: chì, niken, thủy ngân...; Chứa các tác nhân gây bệnh.

- Có hai loại rủi ro liên quan trực tiếp đến chất thải y tế nguy hại bao gồm: Nguy cơ gặp phải chấn thương hoặc bị nhiễm trùng và nguy cơ ảnh hưởng chính đến môi trường là nguy cơ lây nhiễm bệnh tật đối với cộng đồng.

1.1.2.1. Ảnh hưởng của chất thải y tế đối với sức khỏe con người

* Những đối tượng có nguy cơ ảnh hưởng của chất thải y tế

Tất cả mọi người khi tiếp xúc với chất thải y tế nguy hại đều có thể có khả năng bị tác động xấu tới sức khỏe. Các đối tượng có nguy cơ chịu ảnh hưởng lớn nhất của chất thải y tế nguy hại bao gồm:

+ Cán bộ, nhân viên y tế: bác sĩ, y sĩ, y tá, điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ lý, y công, nhân viên văn phòng, sinh viên thực tập, công nhân vận hành các công trình xử lý chất thải...;

+ Nhân viên của các đơn vị hoạt động trong bệnh viện: nhân viên công ty vệ sinh môi trường; nhân viên giặt là, nhân viên làm việc ở khu vực nhà tang lễ, trung tâm khám nghiệm tử thi...;

+ Đối tượng khác: gồm người tham gia vận chuyển, xử lý chất thải y tế ngoài khuôn viên bệnh viện; người liên quan đến bãi chôn lấp rác và người nhặt rác; Bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú; Người nhà bệnh nhân và khách thăm; Cộng đồng và môi trường xung quanh cơ sở y tế; Cộng đồng sống ở vùng hạ lưu các con sông tiếp nhận các nguồn chất thải chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu của các cơ sở y tế.

* Những nguy cơ ảnh hưởng của chất thải y tế tới sức khỏe con người

Các bệnh viện được cho là môi trường có nguy cơ rủi ro cho sức khỏe con người. Chất thải y tế có thể gây ra nhiều tác động xấu tới sức khỏe con người như: lây bệnh qua đường máu cho nhân viên y tế, đặc biệt là sự cố thương tích do chất thải sắc nhọn. Dạng phơi nhiễm nghề nghiệp phổ biến nhất qua đường máu của nhân viên y tế trong quá trình thực hiện quản lý chất thải là bị thương do các kim tiêm lây nhiễm.

Ảnh hưởng của chất thải sắc nhọn:

Chất thải sắc nhọn được coi là loại chất thải nguy hiểm, có nguy cơ gây tổn thương kép tới sức khỏe con người nghĩa là vừa gây chấn thương do vết cắt, vết đâm và thông qua vết chấn thương để gây bệnh truyền nhiễm nếu trong chất thải có các mầm bệnh viêm gan B (HBV), viêm gan C (HCV) và virus HIV...,

Ảnh hưởng của chất thải lây nhiễm:

CTYT lây nhiễm cơ thể chứa các vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm như: tụ cầu, HIV, viêm gan B ... chúng có thể xâm nhập vào cơ thể người thông qua các hình thức: qua da: (vết trầy xước, vết đâm xuyên hoặc vết cắt trên da); qua các niêm mạc (màng nhầy); qua đường hô hấp (do xông, hít phải); qua đường tiêu hóa (do nuốt hoặc ăn phải). Việc quản lý chất thải y tế lây nhiễm không đúng cách còn có thể là nguyên nhân lây nhiễm bệnh cho con người thông qua môi trường trong bệnh viện. Chẳng hạn một số người có khả năng bị lây nhiễm các bệnh mà họ không mắc phải trước khi đến bệnh viện, nhưng khi đến và làm việc trong bệnh viện sau một thời gian bị mắc bệnh hoặc đem mầm bệnh đến nơi họ ở.

Ảnh hưởng của chất thải hóa học và dược phẩm:

Mặc dù chiếm tỉ lệ nhỏ, nhưng chất thải hóa học và dược phẩm có thể gây ra các nhiễm độc cấp tính, mãn tính, chấn thương và bỏng... Hóa chất độc

hại và dược phẩm ở các dạng dung dịch, sương mù, hơi... có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường da, hô hấp và tiêu hóa,... gây bỏng, tổn thương da, mắt, màng nhầy đường hô hấp và các cơ quan trong cơ thể như: gan, thận,... Một số ví dụ về ảnh hưởng của chất thải hóa học và dược phẩm:

+ Thủy ngân là một chất độc hại trong chất thải y tế. Thủy ngân có mặt trong một số thiết bị y tế, nhất là các thiết bị chẩn đoán như: nhiệt kế thủy ngân, huyết áp kế thủy ngân ... và một số nguồn khác như khi bóng đèn huỳnh quang, compact sử dụng bị vỡ;

+ Chất khử trùng được dùng với số lượng lớn trong bệnh viện, chúng thường có tính ăn mòn và có thể kết hợp thành các hợp chất có độc tính cao hơn;

+ Dư lượng các hóa chất sử dụng tại các phòng xét nghiệm khi thải vào hệ thống thoát nước có thể ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học hoặc các hệ sinh thái tự nhiên của các nguồn nước tiếp nhận;

+ Tương tự như vậy đối với dư lượng dược phẩm trong các chất thải có chứa dược phẩm. Dư lượng dược phẩm thải có thể bao gồm: các loại kháng sinh, các thuốc khác nếu không được xử lý khi thải vào các nguồn nước tiếp nhận sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường sống và các loài thủy sinh trong các nguồn nước tiếp nhận.

Ảnh hưởng của chất gây độc tế bào:

Chất gây độc tế bào có thể xâm nhập vào cơ thể con người bằng các con đường: hô hấp khi hít phải, qua da, qua đường tiêu hóa; hoặc tiếp xúc với chất thải dính thuốc gây độc tế bào; hoặc tiếp xúc với các chất tiết ra từ người bệnh đang được điều trị bằng hóa trị liệu. Một số chất gây độc tế bào có thể gây hại trực tiếp tại nơi tiếp xúc, đặc biệt là da và mắt, một số triệu chứng thường gặp là: chóng mặt, buồn nôn, nhức đầu và viêm da. Ảnh hưởng của

chất thải phóng xạ: Ảnh hưởng của chất thải phóng xạ tùy thuộc vào loại phóng xạ, cường độ và thời gian tiếp xúc. Trong bệnh viện, các chất phóng xạ thường có chu kỳ bán rã ngắn (kéo dài từ vài giờ, vài ngày cho đến vài tuần). Các triệu chứng hay gặp là đau đầu, hoa mắt, chóng mặt, buồn nôn và nôn nhiều bất thường ... ở mức độ nghiêm trọng hơn có thể gây ung thư và các vấn đề về di truyền.

1.1.2.2. Ảnh hưởng của chất thải y tế đối với môi trường

Chất thải y tế nếu không được xử lý đúng cách có thể tác động xấu tới tất cả các khía cạnh của môi trường dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, xử lý chất thải y tế không đúng phương pháp (chôn lấp, thiêu đốt không đúng qui định, tiêu chuẩn) thì sẽ dẫn đến ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí và sự ô nhiễm này sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sức khỏe con người, hệ sinh thái.

**Đối với môi trường đất*

Quản lý CTYT không đúng quy trình và việc tiêu hủy CTYT tại các bãi chôn lấp không tuân thủ các quy định sẽ dẫn đến sự phát tán các vi sinh vật gây bệnh, hóa chất độc hại... gây ô nhiễm đất và làm cho việc tái sử dụng bãi chôn lấp gặp khó khăn.

** Đối với môi trường nước*

Tác động của chất thải y tế đối với các nguồn nước có thể so sánh với nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, nước thải từ các cơ sở y tế còn có thể chứa Salmonella, Coliform, Tụ cầu, Liên cầu, Trùng khuẩn Gram âm đa kháng, các hóa chất độc hại, chất hữu cơ, kim loại nặng. Do đó, nếu không được xử lý triệt để trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, đặc biệt đối với nguồn tiếp nhận được sử dụng cho sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi, sẽ có nguy cơ gây ra một số bệnh như: tiêu chảy, lỵ, tả, thương hàn, viêm gan A ... cho những người sử dụng các nguồn nước này

** Đối với môi trường không khí*

Chất thải y tế từ khi phát sinh đến khâu xử lý cuối cùng đều có thể gây ra tác động xấu tới môi trường không khí. Bụi rác, bào tử vi sinh vật gây bệnh, hơi dung môi, hóa chất ... phát sinh trong các khâu phân loại - thu gom - vận chuyển, chất thải y tế có thể phát tán vào không khí. Trong khâu xử lý, đặc biệt là với các lò đốt chất thải y tế quy mô nhỏ, không có thiết bị xử lý khí thải có thể phát sinh ra các chất khí độc hại như sau:

+ Ô nhiễm bụi: khi nhiệt độ đốt không đủ hoặc không tuân thủ đúng quy trình vận hành, lượng chất thải nạp vào lò quá lớn sẽ làm phát tán bụi, khói đen và các chất độc hại;

+ Các khí axit: Do trong chất thải y tế có thể có chất thải làm bằng nhựa PVC, hoặc chất thải dược phẩm khi đốt có nguy cơ tạo ra hơi axit, đặc biệt là HCl và SO₂;

+ Dioxin và Furan: Trong quá trình đốt cháy chất thải có thành phần halogen (Cl, Br, F) ở nhiệt độ thấp có thể hình thành dioxin và furan là những chất rất độc dù ở nồng độ nhỏ;

+ Kim loại nặng: đối với những kim loại nặng dễ bay hơi như thủy ngân có thể phát sinh từ các lò đốt chất thải y tế nếu trong quá trình phân loại không tốt.

Ngoài ra, một số phương pháp xử lý khác như chôn lấp có thể phát sinh các chất gây ô nhiễm cho môi trường không khí như: CH₄, H₂S,..⁵

1.2. Những vấn đề chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

1.2.1. Khái niệm của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sự sinh tồn của trái đất chúng ta. Do vậy việc kiểm soát ô nhiễm môi trường có vai trò hết sức quan trọng, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, các tổ chức

⁵ Xem: Ảnh hưởng của chất thải y tế tới sức khỏe và môi trường. Nguồn: <http://vnniosh.vn/Details/id/6804/Anh-huong-cua-chat-thai-y-te-toi-suc-khoe-va-moi-truong>

quốc tế. Theo WIKIPEDIA- Bách khoa toàn thư mở đã đưa ra khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường như sau: “Kiểm soát ô nhiễm là một từ dùng trong quản lý môi trường. Nó bao gồm việc kiểm soát phát thải và chất thải vào không khí, nước và đất. Nếu không có việc kiểm soát ô nhiễm, các chất thải từ các hoạt động tiêu thụ, sản xuất, vận tải, đốt nhiên liệu tạo nhiệt, và các hoạt động khác của con người sẽ làm tích tụ hoặc phát tán chất ô nhiễm sẽ làm giảm chất lượng môi trường sống. Trong các cấp kiểm soát, phòng chống ô nhiễm và giảm thiểu chất thải được xem là các biện pháp hiệu quả.”

Theo giáo trình Luật Môi trường của Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân năm năm 2011 thì Kiểm soát ô nhiễm môi trường là “tổng hợp các hoạt động của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân nhằm loại trừ hạn chế những tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa ô nhiễm môi trường; khắc phục, xử lý hậu quả do ô nhiễm môi trường gây nên” . Khái niệm này xác định chủ thể có trách nhiệm hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường. Năm 2014, sau khi Luật Bảo vệ môi trường 2014 được ban hành, giáo trình Luật Môi trường của Đại học Luật Hà Nội thống nhất với quy định tại khoản 18 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, theo đó “kiểm soát ô nhiễm môi trường là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm”. Khái niệm này không xác định rõ chủ thể của kiểm soát ô nhiễm môi trường nhưng lại xem kiểm soát ô nhiễm môi trường là một chu trình gồm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm.

Kiểm soát ô nhiễm môi trường thường được gọi tắt là kiểm soát ô nhiễm được hiểu một cách tổng quát là một sự tổng hợp các hoạt động, hành động, biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa, khống chế không cho sự ô nhiễm xảy ra, hoặc khi có sự ô nhiễm xảy ra thì có thể chủ động xử lý, làm giảm thiểu hay loại trừ được nó.

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các lĩnh vực cụ thể. Theo tác giả Lưu Ngọc Tố Tâm trong Luận án Tiến sĩ: “Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trong hoạt động hàng hải ở Việt Nam” (năm 2012 – Đại học Luật Hà Nội) thì kiểm soát ô nhiễm môi trường bao gồm: đánh giá môi trường, quản lý chất thải, hệ thống quy chuẩn, kỹ thuật môi trường, giải quyết các tranh chấp môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các hoạt động cụ thể... Còn theo tác giả Bùi Đức Hiền trong Luận văn Tiến sĩ: “Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam (năm 2016- Viện Khoa học Xã hội)” thì “kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí là trách nhiệm của cơ quan nhà nước, chủ thể có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ nguồn thải và các chủ thể trong phòng ngừa, dự báo, theo dõi, kiểm tra, phát hiện những tác động đến môi trường không khí, hiện trạng môi trường không khí, sự biến đổi của môi trường không khí so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí; ngăn chặn, khắc phục ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường không khí; xử lý các hành vi làm ô nhiễm môi trường không khí nhằm đảm bảo cho môi trường không khí được trong lành, sạch đẹp”...

Các khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường trên là kết quả quan trọng của nhiều nhà nghiên cứu. Tác giả sẽ có sự kế thừa hợp lý trong quá trình hoàn thành đề tài của mình.

Từ cách hiểu về chất thải y tế, về kiểm soát ô nhiễm môi trường theo tác giả: kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế là trách nhiệm của cơ quan nhà nước, chủ thể có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân, chủ nguồn thải và các chủ thể khác trong phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm; cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế và xử lý vi phạm làm ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Hay nói cách khác kiểm soát ô nhiễm

môi trường do chất thải y tế là tổng hợp các hoạt động, hành động, biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa và khống chế không cho ô nhiễm môi trường do chất thải y tế xảy ra hoặc nếu có sự ô nhiễm môi trường do chất thải y tế xảy ra thì có thể chủ động xử lý, làm giảm thiểu hoặc loại trừ nó.

Vai trò của việc Kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế là vô cùng quan trọng vì việc kiểm soát nhằm mục đích phòng ngừa và hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực của chất thải y tế đối với môi trường. Đặc biệt là việc phòng ngừa, kiểm soát ngay từ đầu khi chưa xảy ra ô nhiễm môi trường bởi vì khi môi trường đã bị ô nhiễm do chất thải y tế thì việc giải quyết sẽ vô cùng khó khăn, phức tạp, tốn kém rất khiêu chi phí và để lại hậu quả lâu dài cho môi trường cũng như sức khỏe con người.

1.2.2. Nội dung của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế bao gồm kiểm soát việc phát thải và chất thải y tế vào không khí, đất và nước. Trong các cấp kiểm soát thì phòng chống ô nhiễm và giảm thiểu chất thải y tế được xem là biện pháp hiệu quả nhất. So sánh giữa kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế và quản lý chất thải y tế thì kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế có nội dung rộng hơn, bao gồm mục đích, cách thức, công cụ và phương tiện kiểm soát ô nhiễm. Mục đích của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế là phòng ngừa, khống chế không để ô nhiễm môi trường do chất thải y tế xảy ra, còn nếu trường hợp xảy ra ô nhiễm thì kiểm soát ô nhiễm môi trường là hoạt động xử lý, khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường như trước khi bị ô nhiễm do chất thải y tế. Chủ thể của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế không chỉ thông qua các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường mà còn bao gồm các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có các hoạt động liên quan đến chất thải y tế như chủ nguồn thải y tế, chủ thu gom vận chuyển chất thải y tế, chủ lưu giữ chất thải y tế, chủ xử lý chất thải y tế... Kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung và kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế nói

riêng không chỉ được thực hiện bằng mệnh lệnh hành chính, công cụ hành chính, mà còn được thực hiện bằng công cụ kinh tế, các biện pháp kỹ thuật, các giải pháp công nghệ, các yếu tố xã hội, yếu tố thị trường...trong đó hai yếu tố là yếu tố xã hội và yếu tố thị trường ngày càng được cân nhắc lựa chọn. Kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế được thực hiện theo 04 nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất là phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường. Nội dung này bao gồm các hoạt động như:

+ Phòng ngừa, ngăn chặn những nguyên nhân có thể gây ô nhiễm môi trường từ chất thải y tế, những tác động tiêu cực đến môi trường của chất thải y tế nhằm giữ hiện trạng môi trường phù hợp với quy chuẩn môi trường.

+ Dự báo hiện trạng môi trường tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải rắn y tế và khu vực dân cư xung quanh...giúp cho việc phòng ngừa ô nhiễm môi trường do chất thải y tế được chủ động, kịp thời hơn và giảm thiểu được những tác động tiêu cực của chất thải y tế tới môi trường.

Thứ hai là kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm. Bao gồm các hoạt động:

+ Phát hiện ra ô nhiễm môi trường do chất thải y tế, khoanh vùng ô nhiễm, ngăn chặn ô nhiễm.

+ nắm bắt thông tin về chủ thể gây ô nhiễm, tình hình ô nhiễm và tác động của nó đến các chủ thể bị ảnh hưởng.

Thứ ba là cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế bao gồm các hoạt động nhằm xác định, phân loại các khu vực bị ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường đã bị ô nhiễm do chất thải y tế.

Thứ tư là thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế: xác định định trách nhiệm của các chủ thể để có hình thức xử lý phù hợp các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính và kỷ luật.

Kiểm soát chất thải y tế luôn là vấn đề “nóng”, bởi nếu không được quản lý tốt, nguồn chất thải này sẽ gây ra những hiểm họa không nhỏ cho môi trường và con người. Yêu cầu đặt ra là phải xây dựng và hoàn thiện các quy định về kiểm soát ÔNMT do CTYT để giảm thiểu những tác động của nó đối với môi trường, góp phần bảo vệ môi trường sống an toàn, lành mạnh.

1.3. Những vấn đề chung về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

1.3.1. Khái niệm và nội dung của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

1.3.1.1. Khái niệm

Môi trường là nguồn cung cấp nguyên liệu, năng lượng cho mọi hoạt động của con người. Môi trường cũng là nơi tiếp nhận, chứa đựng và xử lý các chất thải mà con người thải ra trong quá trình phát triển đó. Nhưng chính con người lại đang hủy hoại nó, từ việc bảo tồn cho sự phát triển bền vững của môi trường, pháp luật bảo vệ môi trường ra đời nhằm đáp ứng cho nhu cầu cấp thiết đó. Sự gia tăng số lượng người có nhu cầu khám chữa bệnh, số lượng, quy mô các cơ sở y tế tăng lên nhanh chóng đã kéo theo sự tăng lên ngày càng lớn của lượng chất thải y tế nếu không được xử lý đúng cách sẽ dẫn đến ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe con người cũng như hệ sinh thái. Do vậy vấn đề đặt ra là cần có công cụ thiết thực để kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế, đó chính là công cụ pháp luật.

Hiện nay quan điểm về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung và pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế nói riêng có những cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên trên cơ sở khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế cũng như những đặc điểm, vai trò, nội dung của nó, tác giả cho rằng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế là: tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân, chủ nguồn thải và các chủ thể khác trong phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm; cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế và xử lý vi phạm làm ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

1.3.1.2. Nội dung

Để các quy định của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT có tính hiệu quả thực thi thì cần xác định được việc kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế gồm các hoạt động nào? Chủ thể nào có trách nhiệm và nghĩa vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế? Đối tượng nào bị kiểm soát? Chu trình, trình tự, mục tiêu của kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

Hiện trạng của môi trường được chia làm ba giai đoạn bao gồm giai đoạn chưa bị ô nhiễm, giai đoạn đang bị ô nhiễm và giai đoạn sau khi bị ô nhiễm. Căn cứ vào hiện trạng môi trường ở mỗi giai đoạn thì pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường sẽ có những nội dung phù hợp đảm bảo tính hiệu quả thực thi.

Ở giai đoạn chưa bị ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm môi trường đặt ra vấn đề cho việc phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây

ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường. Ở giai đoạn này mục tiêu của việc phòng ngừa, ngăn chặn những nguy cơ chất thải y tế làm ô nhiễm môi trường được đề cao nhằm ngăn ngừa những nguy cơ chất thải y tế có thể làm ô nhiễm môi trường. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về phòng ngừa, ngăn chặn những nguy cơ chất thải y tế làm ô nhiễm môi trường gồm các quy định như: trách nhiệm của các chủ thể trong phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ làm ô nhiễm môi trường của chất thải y tế; xây dựng các đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải y tế có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường; kiểm kê khí thải từ các lò đốt chất thải rắn y tế...

Ở giai đoạn môi trường đang bị ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế hướng tới việc nhanh chóng phát hiện ra ô nhiễm môi trường, khoanh vùng ô nhiễm, ngăn chặn ô nhiễm môi trường do chất thải y tế gây ra. Nội dung cơ bản của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trong giai đoạn này sẽ gồm các quy định về quan trắc hiện trạng môi trường khu vực có chất thải y tế và khu dân cư xung quanh; thanh tra, kiểm tra hoạt động của các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải y tế có nguy cơ làm ô nhiễm môi trường; khoanh vùng và ngăn chặn ô nhiễm môi trường do chất thải y tế; quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong việc ngăn chặn, phát hiện ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Trong giai đoạn này việc phòng ngừa, ngăn chặn những nguy cơ chất thải y tế làm ô nhiễm môi trường vẫn được đặt ra nhằm khoanh vùng, giới hạn khu vực bị ô nhiễm do chất thải y tế để không bị lan sang các khu vực khác.

Giai đoạn sau khi môi trường bị ô nhiễm vấn đề đặt ra đối với việc kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế là việc xử lý môi trường bị ô nhiễm. Phạm vi điều chỉnh của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y

tế ở giai đoạn này là khắc phục ô nhiễm, phục hồi hiện trạng môi trường bị ô nhiễm, xử lý các hành vi làm ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

Và để sáng tỏ những nội dung trên khi nghiên cứu về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Các quy định pháp luật về phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường.

- Các quy định pháp luật về kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm.

- Các quy định pháp luật về cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế.

- Các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

1.3.2. Vai trò của pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Trong đời sống xã hội, pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó là công cụ không thể thiếu, bảo đảm cho sự tồn tại, vận hành bình thường của xã hội nói chung và của nền đạo đức nói riêng. Pháp luật không chỉ là một công cụ quản lý nhà nước hữu hiệu, mà còn tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ý thức đạo đức, làm lành mạnh hóa đời sống xã hội và góp phần đắp nên những giá trị mới. Trong kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế vai trò của pháp luật thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Những quy định của pháp luật quy định những quy tắc mà khi con người có những hoạt động liên quan đến việc làm phát sinh cũng như xử lý chất thải y tế phải theo cách thức mà pháp luật bảo vệ môi trường đã quy định để hạn chế các chất gây ô nhiễm, các chất độc hại khi thải vào môi trường. Ví dụ như khi phân loại chất thải y tế thì phải phân loại tại nguồn, từng loại chất

thải y tế phải phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định, trường hợp các chất thải y tế nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và áp dụng cùng một phương pháp xử lý có thể được phân loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

- Các chế tài pháp luật môi trường được ban hành gồm chế tài hình sự, hành chính chính, dân sự và kỷ luật có tính chất răn đe các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật môi trường trong việc phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải y tế và khiến họ phải tự giác tuân theo các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường để hạn chế, ngăn ngừa và kịp thời xử lý những hành vi liên quan đến chất thải y tế có tác động xấu đến môi trường. Các quy chuẩn kỹ thuật môi trường là cơ sở pháp lý xác định hành vi vi phạm pháp luật và truy cứu trách nhiệm đối với những hành vi đó đồng thời thông qua pháp luật mà các quy chuẩn môi trường được tuân thủ trong quá trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

- Pháp luật tạo ra cơ chế hoạt động hiệu quả bằng các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế.

- Những quy định của pháp luật môi trường góp phần thúc đẩy việc ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong hoạt động y tế, hạn chế được việc phát sinh nguồn chất thải gây ô nhiễm. Đồng thời pháp luật yêu cầu các chủ xả thải phải hạn chế đến mức tối đa việc xả thải ra môi trường bằng những quy định cụ thể và để đáp ứng yêu cầu của các quy định này các chủ thể xả thải phải nghiên cứu, áp dụng các biện pháp tiên tiến nhất trong quá trình hoạt động cũng như quy trình xử lý chất thải sau này.

- Quá trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trước tiên cần có sự phối kết hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với cơ quan quản lý chuyên môn (Bộ tài nguyên Môi trường, Bộ Y tế). Đồng thời

cần có sự hợp tác quốc tế vì kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung là vấn đề chung của riêng quốc gia nào mà là vấn đề chung toàn cầu, cần có sự gắn kết các quốc gia với nhau. Pháp luật là cơ sở vững chắc để việc hợp tác trở nên hiệu quả và thiết thực, có thể thông qua việc tham gia các Điều ước quốc tế, thảo thuận hợp tác song phương, đa phương... giữa các quốc gia với nhau.

1.4. Pháp luật quốc tế và pháp luật một số nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế trên thế giới

Vấn đề môi trường sống của con người trên trái đất đã và đang bị ô nhiễm là một vấn đề cấp bách đối với bất kì quốc gia nào. Vì nó gây ra những hiện tượng biến đổi khí hậu dẫn đến những thảm họa thiên tai khủng khiếp. Chất thải y tế và sự ảnh hưởng của nó đến môi trường và sức khỏe con người đã và đang trở thành mối quan tâm của công chúng và các nhà lập chính sách ở nhiều quốc gia.

Thế giới chúng ta đã các công ước quốc tế như:

+ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển và tiêu hủy chất thải nguy hại qua biên giới vào năm 1989 nhằm mục đích giảm sự di chuyển của chất thải nguy hại, giảm thiểu số lượng và độc tính của chất thải phát sinh; trong lĩnh vực y tế, dược phẩm, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho chuẩn đoán, dịch vụ chăm sóc... có thể trở thành chất thải nguy hại vì vậy chúng cần được quản lý một cách an toàn.⁶

+ Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy vào năm 2001, công ước có mục đích loại bỏ hoặc hạn chế sản xuất và sử dụng các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs) – trong đó Dioxin và Furan là hai chất POPs có thể phát sinh không chủ đích trong quá trình đốt chất thải y tế;

⁶<https://thukyluat.vn/vb/cong-uoc-basel-1989-kiem-soat-van-chuyen-qua-bien-gioi-cac-phe-thai-nguy-hiem-va-viec-tieu-huy-chung-109c8.html>

+ Công ước Rotterdam về những thủ tục thỏa thuận cung cấp thông tin ưu tiên đối với hóa chất độc hại và thuốc bảo vệ thực vật trong thương mại quốc tế vào năm 2007;

+ Công ước Minamata về thủy ngân – là một hiệp ước quốc tế được ký kết nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường khỏi các tác động của thủy ngân và các hợp chất thủy ngân. Theo công ước chậm nhất đến năm 2020 các sản phẩm, thiết bị dùng trong y tế có chứa nguy cơ thủy ngân như nhiệt kế thủy ngân, huyết áp kế thủy ngân sẽ không được nhập khẩu. Khi các quốc gia ký kết tham gia vào Điều ước, Công ước quốc tế thì đều có quá trình ban hành, chỉnh sửa các quy định của pháp luật sao cho phù hợp theo những cam kết mà mình đã tham gia.⁷

Ở Mỹ, Quốc hội thông qua đạo luật Theo dõi Chất thải y tế vào năm 1988, trong đó yêu cầu Cục Bảo vệ môi trường (EPA) triển khai chương trình theo dõi trong hai năm. Sau đó, các bang và cơ quan chính quyền liên bang chịu trách nhiệm quy định và hướng dẫn quản lý chất thải y tế. Hầu hết 50 bang của nước này đã ban hành quy định riêng về quản lý chất thải y tế. Các cơ quan chính quyền liên bang chịu trách nhiệm ban hành các hướng dẫn kỹ thuật như Tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp với vi sinh vật gây bệnh qua đường máu của Cục Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở y tế của Trung tâm kiểm soát bệnh và Cách thực hành môi trường tốt nhất cho cơ sở y tế của EPA. Mỹ có nhiều quy định kiểm soát phát thải thủy ngân, trong đó có Hướng dẫn loại bỏ thủy ngân trong các bệnh viện vào năm 2002 của Cục BVMT. Ngành y tế Mỹ về cơ bản đã loại bỏ các thiết bị y tế chứa thủy ngân. Ngày nay, hầu như không thể mua được nhiệt kế thủy ngân ở Mỹ.

⁷<http://thechtnmt.vhv.vn/pl-quoc-te/gioi-thieu-cac-dieu-uoc-quoc-te-tn-mt/cong-uoc-minamata-nam-2013-ve-thuy-ngan.html>

Ở Anh, khung chính sách bao gồm Luật Bảo vệ môi trường năm 1990 và quy định quản lý chất thải nguy hại năm 2005. Ở Đức, quản lý chất thải nói chung được thực hiện theo Luật Quản lý chất thải; vận chuyển chất thải nguy hại phải theo Quy định về hàng hóa nguy hiểm; còn thiêu đốt chất thải phải tuân thủ Luật Kiểm soát ô nhiễm không khí. Công tác phân loại và tiêu hủy chất thải y tế được lồng ghép trong quản lý chất lượng cơ sở y tế.

Ở Nhật Bản, quy định đầu tiên về quản lý chất thải lây nhiễm được ban hành năm 1992, bổ sung thêm vào Luật Tiêu hủy chất thải có từ năm 1970. Năm 2000, Nhật Bản ban hành Luật mua sắm xanh, trong đó hạn chế sản xuất và mua sắm thiết bị, chế phẩm y tế chứa thủy ngân. Nhiệt kế và huyết áp kế điện tử đã cơ bản thay thế cho thiết bị chứa thủy ngân nên các thiết bị y tế chứa thủy ngân đã giảm mạnh. Ở Hàn Quốc, Quốc hội sửa đổi Luật Quản lý chất thải năm 1999 để kiểm soát tốt hơn chất thải rắn y tế từ nơi phát sinh tới nơi tiêu hủy cuối cùng. Bên cạnh Luật, các nước còn ban hành các hướng dẫn kỹ thuật như Hướng dẫn quản lý an toàn chất thải y tế (Anh), các quy định về Kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn nghề nghiệp (Đức), Hướng dẫn quản lý chất thải lây nhiễm (Nhật Bản), Hướng dẫn quản lý chất thải y tế (Hàn Quốc).

Ấn Độ ban hành Quy định về quản lý chất thải y sinh từ năm 1998 và tiếp tục bổ sung, sửa đổi quy định này vào các năm 2000, 2003, 2016. Ban Kiểm soát ô nhiễm Trung ương đã xây dựng một loạt các hướng dẫn về quản lý chất thải trong tiêm chủng, chất thải thủy ngân, bơm kim tiêm tự hủy, lò đốt chất thải rắn y tế... Cùng lúc đó, Bộ Y tế Ấn Độ và chính quyền các bang cũng có những hướng dẫn về quản lý chất thải y tế. Để khuyến khích tập trung hóa và tư nhân hóa dịch vụ xử lý chất thải y sinh, Ban Kiểm soát ô nhiễm Trung ương ban hành Hướng dẫn cơ sở xử lý chất thải y sinh tập trung và Bộ Môi trường hỗ trợ 25% tổng chi phí đầu tư cơ sở xử lý chất thải y sinh tập trung theo cơ chế hợp tác công tư.

Trung Quốc ban hành Quy định kiểm soát chất thải y tế vào năm 2003 sau khi xảy ra dịch SARS. Năm 2004, Trung Quốc phê duyệt Kế hoạch quốc gia xây dựng các cơ sở xử lý chất thải nguy hại và chất thải y tế tập trung. Ngoài ra, Trung Quốc cũng có một số tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật như Tiêu chuẩn kỹ thuật cho lò đốt chất thải rắn y tế, Tiêu chuẩn kỹ thuật cho phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế.⁸

Các nước đã và đang tăng cường khung chính sách quốc gia bằng những quy định về quản lý chất thải y tế. Các quy định này có thể là văn bản pháp lý độc lập hoặc được lồng ghép trong các văn bản pháp lý hiện có với mục tiêu kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế theo cách tốt nhất. Việt Nam đã tham gia công ước Basel năm 1995, công ước Stockholm vào năm 2001, công ước Rotterdam vào năm 2007 và công ước Minamata năm 2013. So với các nước khác, Việt Nam có nhiều cơ hội để cải thiện khung chính sách quốc gia về quản lý CTYT và thúc đẩy triển khai những công ước quốc tế liên quan. Việt Nam nên hạn chế đầu tư mới các lò đốt quy mô nhỏ trong CSYT và nghiêm cấm vận hành các lò đốt không đạt tiêu chuẩn; xây dựng hướng dẫn kỹ thuật, kế hoạch hành động khả thi và cơ chế hợp tác công tư cho phát triển các cơ sở xử lý tập trung; xây dựng kế hoạch hành động và hướng dẫn kỹ thuật để loại bỏ dần thủy ngân trong các cơ sở y tế.

⁸<http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-trên-thế-giới-trong-quản-lý-chất-thải-y-tế-41225>

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

1. Chất thải nói chung và chất thải y tế nói riêng đã và đang là vấn đề ảnh hưởng lớn đến môi trường và xã hội. Qua phân tích giúp chúng ta hiểu rõ hơn các khái niệm về chất thải và chất thải y tế cũng như cách phân loại chúng. Mặt khác, chúng ta cũng hiểu được nguồn phát sinh và những ảnh hưởng, tác động nguy hại như thế nào của chất thải y tế đến môi trường và sức khỏe cộng đồng nếu không được xử lý đúng cách.

2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường có vai trò hết sức quan trọng để BVMT, kiểm soát ÔNMT do CTYT là trách nhiệm của cơ quan nhà nước, chủ thể có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân, chủ nguồn thải và các chủ thể khác trong phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường, khu vực có chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm; cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế và xử lý vi phạm làm ô nhiễm môi trường do chất thải y tế. Hay nói cách khác kiểm soát ÔNMT do CTYT là tổng hợp các hoạt động, hành động, biện pháp và công cụ nhằm phòng ngừa và khống chế không cho ô nhiễm môi trường do chất thải y tế xảy ra hoặc nếu có sự ô nhiễm môi trường do chất thải y tế xảy ra thì có thể chủ động xử lý, làm giảm thiểu hoặc loại trừ nó. Hoạt động này được thực hiện theo các nội dung khác nhau và được các quốc gia trên thế giới quan tâm.

3. Pháp luật quản lý kiểm soát ÔNMT do CTYT là một bộ phận của pháp luật môi trường. Pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT giữ một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là một trong những công cụ hữu hiệu để phòng ngừa ô nhiễm môi trường; góp phần thay đổi, nâng cao nhận thức của cộng đồng theo hướng có lợi cho bảo vệ môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và

phát triển ngành công nghiệp môi trường cũng như thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để bảo vệ môi trường trong các hoạt động y tế. Căn cứ vào hiện trạng môi trường ở mỗi giai đoạn thì pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT sẽ có những nội dung phù hợp đảm bảo tính hiệu quả thực thi.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO CHẤT THẢI Y TẾ

2.1. Các quy định về phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường

2.1.1. *Thực trạng quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế*

Trước đây, Luật Bảo vệ môi trường 2005 quy định Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là tiêu chuẩn môi trường. Điều này không phù hợp quy định tại Điều 3 Luật về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật 2006: “1. Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng. 2. Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng”. Đến Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã có sự phân biệt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường. Theo đó tại Khoản 5 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định “Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo

vệ môi trường”. Còn Tiêu chuẩn môi trường được quy định tại Khoản 6 Điều 3 “là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước và các tổ chức công bố dưới dạng văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường”. So sánh hai khái niệm này có thể thấy rằng quy chuẩn kỹ thuật môi trường do cơ quan có thẩm quyền ban hành và bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc, còn tiêu chuẩn môi trường có thể do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân ban hành và không mang tính bắt buộc.

Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong đó có nguyên tắc “đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường”. Như vậy có thể khẳng định rằng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với CTYT là xương sống của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT, là cơ sở để đánh giá hiện trạng môi trường có bị ô nhiễm không, nếu ô nhiễm thì ô nhiễm ở mức độ nào, là căn cứ để xác định và xử lý các hành vi làm ô nhiễm môi trường từ đó lập kế hoạch lâu dài cho công tác quản lý, kiểm soát CTYT và đặc biệt là để phòng ngừa ô nhiễm môi trường do CTYT. Đối với các tổ chức, cá nhân, quy chuẩn kỹ thuật môi trường giúp cho họ biết được tác động đến môi trường đến đâu. Bên cạnh đó quy chuẩn kỹ thuật môi trường cũng là căn cứ để các chủ dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng dựa vào đó để tiến hành thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án cũng như cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường...theo quy định của Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

Cơ quan có thẩm quyền chính trong việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật môi trường nói chung và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về các vấn đề liên

quan đến chất thải y tế nói riêng là Bộ Tài Nguyên và Môi trường, ngoài ra còn có sự tham gia của Bộ y tế và các bộ, ngành liên quan.

Hiện nay đã có một số Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được Bộ tài nguyên và Môi trường ban hành liên quan đến chất thải y tế, như: Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế QCVN28:2010/BTNMT; Quy chuẩn quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN02:2012/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm QCVN 55:2013/BTNMT.

2.1.1.1. Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế QCVN28:2010/BTNMT

Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế QCVN28:2010/BTNMT quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế của các cơ sở khám, chữa bệnh. Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thải nước thải ra môi trường. Nội dung cơ bản của Quy chuẩn là nước thải y tế phải được xử lý và khử trùng trước khi thải ra môi trường; giá trị tối đa của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận được Quy chuẩn quy định theo công thức $C_{max} = C \times K$

Quy chuẩn QCVN28:2010/BTNMT cũng liệt kê các phương pháp xác định giá trị các thông số ô nhiễm. Quy chuẩn cũng quy định chấp nhận áp dụng các phương pháp xác định những tiêu chuẩn quốc tế có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn quốc gia. Khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia để xác định các thông số quy định trong Quy chuẩn này thì áp dụng tiêu chuẩn quốc tế.

2.1.1.2. Quy chuẩn quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN02:2012/BTNMT

Năm 2008 Bộ Tài nguyên và môi trường đã ban hành Quy chuẩn quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế QCVN 02:2008/BTNMT. Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải lò đốt CTRYT và áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường,

mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng lò đốt chất thải rắn y tế trên lãnh thổ Việt Nam. Đến năm 2012, để đảm bảo yêu cầu của kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các lò đốt chất thải rắn y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quy chuẩn quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN02:2012/BTNMT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 và áp dụng thay thế QCVN 02:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế.

Quy chuẩn quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN02:2012/BTNMT quy định các yêu cầu kỹ thuật và môi trường đối với lò đốt CTRYT. Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh (phân phối), sử dụng lò đốt chất thải rắn y tế trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; đơn vị lấy mẫu, phân tích và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Nội dung cơ bản của Quy chuẩn là các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với lò đốt CTRYT; Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải lò đốt CTRYT; quy định về vận hành lò đốt; Quản lý chất thải phát sinh từ lò đốt; quy định về giám sát lò đốt CTRYT.

2.1.1.3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm QCVN 55:2013/BTNMT.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm quy định các yêu cầu về tính năng kỹ thuật và môi trường đối với các thiết bị hấp để xử lý chất thải y tế lây nhiễm, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh (phân phối) và sử dụng thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm; các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; các đơn vị lấy mẫu, phân tích và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Theo Quy chuẩn, thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm phải đảm bảo yêu cầu xử lý khử khuẩn theo nguyên lý sử dụng hơi nước để tạo áp suất và nhiệt độ phù hợp.

Bên cạnh đó, Quy chuẩn cũng quy định nước thải phát sinh từ quá trình xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng thiết bị hấp (nếu có) chỉ được xả ra môi trường khi đạt QCVN 28:2010 BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; Khí thải phát sinh từ quá trình xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng thiết bị hấp (nếu có) chỉ được xả ra môi trường khi đạt OCVN 192009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Ngoài các quy chuẩn cơ bản trên, nước ta còn có các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất thải y tế như:

+ TCVN 6560 - 2005: "Lò đốt chất thải rắn - Khí thải lò đốt chất thải rắn y tế - Giới hạn cho phép thay thế cho TCVN 6560: 1999.

+ TCVN 7242:2003 – Lò đốt chất thải rắn y tế – Phương pháp xác định nồng độ cacbon monoxit (CO) trong khí thải;

+ TCVN 7244:2003 – Lò đốt chất thải rắn y tế – Phương pháp xác định nồng độ axit clohydric (HCl) trong khí thải;

+ TCVN 7557-:2005 – Lò đốt chất thải rắn y tế – Xác định kim loại nặng trong khí thải

Qua thực tiễn thực hiện các quy chuẩn liên quan đến chất thải y tế có thể thấy rằng Nhà nước đã ban hành các quy chuẩn với nội dung và phương pháp xác định rõ ràng, dần phù hợp và tương đương với tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Tuy nhiên theo thống kê từ các báo cáo quan trắc của Cục Quản lý môi trường y tế (Bộ Y tế), chất thải y tế nguy hại của các bệnh viện chiếm tỷ lệ khoảng 23% so với tổng lượng chất thải y tế phát sinh. Mặc dù vậy điều đáng lưu ý là hầu hết các lò đốt đang sử dụng đã xuống cấp, thiếu linh kiện thay thế, không được bảo dưỡng định kỳ nên việc xử lý chất thải bằng lò đốt tiềm tàng nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Thậm chí, một số bệnh viện có các thông số không đạt tiêu chuẩn về SO₂, CO, NO_x, bụi

tổng, Pb...⁹Đánh giá các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến chất thải y tế ở nước ta hiện nay có thể thấy một số vấn đề như sau:

Thứ nhất đó là các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến CTYT được ban hành cách đây khá lâu, khoảng từ 6 đến 9 năm, thời điểm đang áp dụng Luật Bảo vệ môi trường 2005 nên nhiều yêu cầu không còn phù hợp thực tế hiện nay. Ví dụ như theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế 28:2010/BTNMT đã bộc lộ một số bất cập như quy định đối tượng áp dụng là các cơ sở khám, chữa bệnh mà chưa bao quát hết các nhóm đối tượng cơ sở y tế có liên quan như theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh thì có nhiều loại hình tổ chức hoạt động khám, chữa bệnh với quy mô và tính chất hoạt động khác nhau, do đó tính chất ô nhiễm và mức độ phát sinh nước thải của các loại hình cơ sở khám, chữa bệnh cũng khác nhau. Ngoài ra, có một số chỉ tiêu về ô nhiễm môi trường được quy định trong QCVN 28:2010/BTNMT chưa phù hợp với thực tế và các quy định liên quan vì hầu hết các cơ sở y tế không phát sinh chất thải phóng xạ (trừ một số bệnh viện điều trị ung thư và cơ sở nghiên cứu y học); 3 thông số về vi sinh là Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae có tần suất xuất hiện rất ít và không thường xuyên trong các báo cáo quan trắc môi trường của các cơ sở y tế.

Thứ hai, các quy chuẩn chưa đưa ra nội dung quy định về tổng lượng thải. Đây là nội dung quan trọng cần đưa vào các quy chuẩn để làm căn cứ tính toán dự báo khả năng ÔNMT, là cơ sở để tính thuế, phí môi trường đối với cá nhân, tổ chức có hoạt động thải CTYT hoặc khí thải ra môi trường. Quy định về tổng lượng thải cần được đưa vào nội dung quy chuẩn để phù hợp nội dung quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Bảo vệ môi trường 2014 “Hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong chất thải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại, khối lượng chất thải phát sinh và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải”.

⁹<http://vihema.gov.vn/>

Thứ ba, quy chuẩn kỹ thuật chỉ đưa ra các thông số ô nhiễm và phương pháp xác định các thông số đó mà không có các quy định về thời điểm được phép xả thải hoặc thời điểm vận hành lò đốt CTR YT, thiết bị hấp chất thải lây nhiễm. Quy định về thời điểm sẽ có tác dụng giảm tải cho các nguồn tiếp nhận (nguồn nước, không khí...) vào các giờ cao điểm.

Thứ tư, hiệu quả áp dụng các quy chuẩn còn thấp. Hiện nay ở nước ta vẫn còn nhiều lò thiêu ngoài trời, thủ công dùng để xử lý chất thải nguy hại đã và đang gây ra tình trạng ô nhiễm cũng như thải ra rất nhiều chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe người dân như Furan và kim loại nặng như chì, cadimi... gây mưa axit, hiệu ứng nhà kính, là ÔNMT đất cũng như nước ngầm do tro lò đốt có chứa kim loại nặng độc hại. Hệ thống xử lý nước thải của các bệnh viện được vận hành không đảm bảo đúng quy trình, không thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên nên chất lượng nước thải sau khi xử lý vẫn có chỉ tiêu vượt quy chuẩn môi trường cho phép. Đa số các bệnh viện tuyến huyện không có hệ thống xử lý nước thải, hoặc không đạt chuẩn hoặc xuống cấp nghiêm trọng...

2.1.2. Các quy định về đánh giá môi trường

So với Luật bảo vệ môi trường 2005, các quy định về đánh giá môi trường nhằm mục đích phòng ngừa ô nhiễm môi trường của Luật Bảo vệ môi trường 2014 rất được coi trọng. Cụ thể:

- Điều 15 quy định nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, tại khoản 6 quy định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải “đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch”.

- Điều 22 quy định về nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường, tại khoản 4 và khoản 5 quy định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải “đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi

trường và sức khỏe cộng đồng” và “đánh giá, dự báo xác định biện pháp quản lý, rủi ro của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng”

- Việc bảo vệ môi trường đối với bệnh viện và cơ sở y tế cần “có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra” (điểm c khoản 1 điều 72)

- Nội dung quản lý chất thải nguy hại trong quy hoạch bảo vệ môi trường cần “đánh giá, dự báo nguồn phát thải nguy hại và lượng phát thải” (khoản 1 Điều 94) .

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 139 trong đó có nội dung “tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường”

Ngoài các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2014, theo quy định tại Phụ lục I của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có 02 hạng mục liên quan trực tiếp đến lĩnh vực y tế và chất thải phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đó là: Dự án xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh và cơ sở y tế khác có quy mô từ 50 giường bệnh trở lên; Dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại. Tất cả các dự án xử lý CTYT nguy hại đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT có hiệu lực từ 01/7/2019 quy định sửa đổi Nghị định 18/2015/NĐ-CP đối với dự án xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh và cơ sở y tế khác phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường là dự án có quy mô từ 100 giường bệnh trở lên. Chủ dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi được cấp phép triển khai dự án. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước để lập và đảm bảo triển khai các hoạt động như đã

nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT 2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và sắp tới đây là Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường có tác dụng giúp chúng ta kiểm soát, lường trước được những ảnh hưởng tiêu cực của dự án đặc biệt là dự án xử lý chất thải, ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư đối với môi trường, giúp chính quyền và người dân sống xung quanh dự án giám sát tốt hơn những biến đổi của môi trường nơi dự án được triển khai. Như vậy có thể thấy rằng công tác dự báo, đánh giá môi trường nhằm phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường được quy định rất cụ thể trong các văn bản pháp luật thể hiện rõ sự quan tâm đối với công tác này. Tuy nhiên đối với các vấn đề liên quan đến chất thải y tế Luật bảo vệ môi trường mới chỉ có quy định về chất thải nguy hại mà chưa có quy định về khí thải nên chưa có cơ sở đánh giá tác động môi trường của khí thải đối với các lò đốt CTR YT.

2.2. Các quy định về kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Kịp thời phát hiện ô nhiễm môi trường có vai trò quyết định để kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do CTYT. Phát hiện là hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân chủ nguồn thải trong việc theo dõi, thanh tra, kiểm tra phát hiện sự biến đổi của thành phần môi trường do sự thác động của CTYT nhằm ngăn chặn, ONMT xử lý và giảm thiểu ONMT do chất thải y tế.

2.2.1. Các quy định về quan trắc hiện trạng môi trường y tế

Quan trắc môi trường theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2014 là “quá trình theo dõi có hệ thống về các thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin, đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu tới môi

trường”. Có thể thấy rằng để kiểm soát ô nhiễm môi trường thì cần đánh giá được hiện trạng môi trường, muốn đánh giá được hiện trạng môi trường thì cần phải tiến hành quan trắc môi trường.

Theo Luật BVMT, các BV phải có trách nhiệm thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do CTYT gây ra; CTYT phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung; Xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Đối với chất thải rắn y tế, phương pháp quan trắc được thực hiện dưới hình thức quan sát trực tiếp; cân, đo số lượng; thu thập số liệu từ sổ sách, chứng từ có liên quan, bảng kiểm, bộ câu hỏi. Phương pháp đánh giá kết quả quan trắc về chất thải rắn y tế căn cứ quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế tại Quy chế quản lý CTYT ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế (hiện nay áp dụng theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT quy định quản lý CTYT).

Đối với nước thải y tế, khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, môi trường không khí, kết quả quan trắc phải đảm bảo theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Hoạt động quan trắc tác động môi trường của các bệnh viện còn được quy định tại một số văn bản khác như:

Nội dung hoạt động quan trắc môi trường được quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP - Quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, bao gồm:

+ Hoạt động quan trắc môi trường bao gồm hoạt động quan trắc tại hiện trường và hoạt động phân tích môi trường.

+ Hoạt động quan trắc tại hiện trường bao gồm lấy mẫu, đo, thử nghiệm, và phân tích các thông số ngay tại hiện trường hoặc bảo quản mẫu, vận chuyển mẫu về để phân tích các thông số tại phòng thí nghiệm.

+ Hoạt động phân tích môi trường bao gồm các hoạt động xử lý mẫu và phân tích các thông số trong phòng thí nghiệm.

Việc thực hiện quan trắc môi trường phải bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng theo Thông tư 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ tài nguyên và môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường.

Từ các quy định trên có thể thấy rằng pháp luật môi trường đã có những quy định cụ thể về quan trắc môi trường nói chung và quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện nói riêng, từ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền các cá nhân, tổ chức có liên quan. Trong thời gian qua, hoạt động quan trắc môi trường y tế đã được các BV quan tâm và triển khai thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu công tác BVMT. Phần lớn, các BV đã trang bị đầy đủ các loại dụng cụ để thu gom CTYT và tiến hành thu gom các nhóm chất thải (chất thải thông thường, chất thải nguy hại) với tần suất đảm bảo ít nhất 1 lần/ngày theo quy định của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Đồng thời, các BV cũng thực hiện tốt việc vận chuyển chất thải tới nơi lưu giữ, đảm bảo không đi qua các phòng bệnh, khu lưu bệnh nhân, gây ảnh hưởng tới môi trường. Để xử lý chất thải nguy hại, các BV đều ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (được Bộ TN&MT cấp phép) để thực hiện việc vận chuyển và xử lý CTYT nguy hại. Tuy nhiên vẫn còn một số BV chưa trang bị đầy đủ bao bì, thùng đựng CTYT

đúng về màu sắc và thiếu biểu tượng theo quy định, đặc biệt ở nhóm chất thải nguy hại không lây nhiễm và CTYT thông thường phục vụ cho mục đích tái chế; một số BV chưa có khu lưu giữ chất thải đạt yêu cầu. Về quan trắc nước thải y tế, hầu hết các BV đã thực hiện đầy đủ tần suất quan trắc và đạt kết quả quan trắc theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Theo đó, các BV tuyến Trung ương, tỉnh và tư nhân có kết quả nước thải đầu ra khá tốt, tuy nhiên, một số BV ở tuyến huyện có kết quả nước thải đầu ra chưa đáp ứng được yêu cầu của QCVN 28:2010/BTNMT với các thông số không đạt tiêu chuẩn phổ biến là nitrat, COD, BOD5 hoặc Coliforms. Đối với việc quan trắc khí thải lò đốt chất thải rắn y tế, đa phần các BV tuyến TW, tuyến tỉnh và tư nhân đều không đầu tư xây dựng hệ thống lò đốt hoặc đã ngưng vận hành lò đốt; chỉ còn phần lớn các BV ở tuyến huyện vẫn vận hành lò đốt để xử lý chất thải rắn y tế. Các BV tại tất cả các tuyến Trung ương và địa phương đều thực hiện tốt việc QTMT không khí xung quanh BV, đáp ứng đầy đủ về tần suất và đạt kết quả theo quy định tại QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. Tuy nhiên vẫn còn một số ít BV tại tuyến huyện và tư nhân chưa thực hiện thường xuyên việc quan trắc môi trường không khí xung quanh. Mặc dù đã đạt được một số kết quả ban đầu đáng khích lệ, tuy nhiên cũng phải nhìn nhận công tác quan trắc môi trường y tế còn một số tồn tại. Nguyên nhân là do thiếu nguồn kinh phí để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong quản lý CTYT, BVMT; Cơ sở hạ tầng của các BV đã và đang xuống cấp, chật hẹp so với quy mô khám chữa bệnh nên tạo ra rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý CTYT; Chi phí vận hành, bảo dưỡng các hệ thống xử lý nước thải y tế, lò đốt chất thải rắn y tế cũng như chi phí thực hiện công tác quan trắc môi trường y tế còn khá lớn, khiến các BV gặp khó khăn trong việc thực hiện đầy đủ công tác quan trắc;

Thiếu nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, nắm vững các quy định và cách thức vận hành hệ thống xử lý CTYT.¹⁰

2.2.2. Quy định về nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường của các chủ thể

Để hạn chế, ngăn chặn được ÔNMT thì các nguồn phát thải vào môi trường phải được đánh giá và kiểm soát. Các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu, xử lý CTYT đảm bảo chất lượng môi trường.

Điều 72 Luật BVMT 2014 quy định về BVMT bệnh viện trong đó: khoản 4 điều này quy định “Người đứng đầu bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và quy định pháp luật liên quan.” *Về trách nhiệm của chủ nguồn CTNH trong trường hợp phát sinh CTNH* được quy định cụ thể trong Điều 7 Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24-4-2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu quy định trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại như sau:

+ Đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

+ Có biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải nguy hại; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại phải báo cáo và quản lý.

+ Có khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

+ Trường hợp không tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở, chủ nguồn thải chất thải nguy hại

¹⁰Xem: Nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc môi trường trong các bệnh viện hiện nay. Nguồn: <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Nâng-cao-hiệu-quả-hoạt-đông-quan-trắc-môi-trường-trong-các-bệnh-viên-hiện-nay-46494>

phải ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại với tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp.

+ Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm định kỳ 6 tháng báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh với Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ khi chưa chuyển giao được trong các trường hợp sau: a) Chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi; b) Chưa tìm được chủ xử lý chất thải nguy hại phù hợp.

+ Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ chất thải nguy hại, báo cáo quản lý chất thải nguy hại (định kỳ và đột xuất) và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

+ Khi chấm dứt hoạt động phát sinh chất thải nguy hại, phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại trong thời gian không quá 6 tháng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải từ hoạt động y tế thì “Chất thải lây nhiễm phải được quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt với cấp độ cao nhất trong các cơ sở y tế, bảo đảm không phát tán mầm bệnh gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người”.

Đối với phương án xử lý chất thải y tế nguy hại, khoản 4 Điều 49 của Nghị định quy định các cơ sở y tế căn cứ vào quy hoạch, yếu tố địa lý, điều kiện kinh tế và môi trường để lựa chọn áp dụng một trong các như sau:

+ Cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung hoặc cơ sở xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế;

+ Xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm);

+ Xử lý chất thải y tế nguy hại tại hệ thống, thiết bị xử lý trong khuôn viên cơ sở y tế.

Việc xử lý chất thải y tế nguy hại được quy định tại khoản 5 Điều 49: “Ưu tiên lựa chọn các công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường và bảo đảm việc xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Chất thải lây nhiễm sau khi khử khuẩn thì được xử lý như đối với chất thải thông thường bằng phương pháp phù hợp.”

Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại đã quy định về danh mục và yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại. Trong đó Điều 7 của Thông tư quy định về yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn CTNH như sau:

+ Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý được quy định.

+ Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư.

+ Yêu cầu khi chuyển giao CTNH: Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp; Khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu huỷ chúng (sau đây gọi tắt là Công ước Basel) theo quy định tại Điều 23 Thông tư.

+ Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH trừ các trường hợp sau: Tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở; Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại được sử dụng thay thế cho chứng từ CTNH trong trường hợp có hướng dẫn trong kế

hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Lập và nộp các báo cáo: định kỳ và đột xuất theo quy định

+ Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

+ Áp dụng đồng thời việc kê khai chứng từ CTNH và báo cáo quản lý CTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

+ Phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định trong trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Ngoài quy định đối với chủ nguồn thải CTNH, Thông tư 36/2015/TT-BTNMT còn quy định về yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ xử lý CTNH (Điều 9), bao gồm các nội dung:

+ Chủ xử lý CTNH thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP

Thực hiện biện pháp quản lý và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với hoạt động của phương tiện vận chuyển không chính chủ trong quá trình vận chuyển CTNH; báo cáo Tổng cục Môi trường về việc thay đổi nội dung, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng bàn giao phương tiện vận chuyển không chính

chủ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt.

+ Khi tham gia vận chuyển trong nội địa đối với CTNH vận chuyển xuyên biên giới thì phải phối hợp với chủ nguồn thải CTNH hoặc nhà xuất khẩu đại diện cho chủ nguồn thải CTNH để tuân thủ các quy định của Công ước Basel theo quy định tại Điều 22 Thông tư.

+ Khi có nhu cầu sử dụng các phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư nhưng không được ghi trong Giấy phép xử lý CTNH thì phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được xem xét, chấp thuận. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

+ Lập các loại báo cáo: Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm; Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Báo cáo cơ quan cấp phép về các thay đổi đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự hoặc các chương trình, kế hoạch trong hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép xử lý CTNH so với khi được cấp phép.

+ Lập: sổ giao nhận CTNH để theo dõi tên, số lượng, mã CTNH, thời gian, đơn vị chuyên giao hoặc tiếp nhận CTNH với cơ sở xử lý CTNH của mình, bảo đảm khớp với chứng từ CTNH; nhật ký vận hành các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc xử lý CTNH; sổ theo dõi số lượng, chất lượng, nguồn tiêu thụ của các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ CTNH; hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS (hệ thống định vị toàn cầu) và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép; cơ sở dữ liệu quan trắc tự động liên tục (nếu có).

+ Trường hợp chủ xử lý CTNH đồng thời là chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, việc thực

hiện các báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường được tích hợp trong nội dung các báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký về quản lý CTNH.

+ Khi 02 (hai) tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên kết trong đó một bên chỉ thực hiện việc vận chuyển CTNH và chuyển giao trách nhiệm xử lý cho bên còn lại (bao gồm cả cơ sở đang vận hành thử nghiệm xử lý CTNH) thì bên chuyển giao hoặc tiếp nhận phải gửi văn bản đề nghị kèm theo hợp đồng đến cơ quan cấp phép để được xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện. Trường hợp chấm dứt, thay đổi, bổ sung hoặc gia hạn hợp đồng thì phải có văn bản gửi cơ quan cấp phép để xem xét. Thời hạn cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản là 15 (mười lăm) ngày làm việc. Việc chuyển giao chỉ được thực hiện giữa hai bên theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận, không được phép chuyển giao CTNH cho bên thứ ba.

+ Áp dụng việc kê khai chứng từ CTNH và báo cáo quản lý CTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng cục Môi trường.

+ Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

+ Trường hợp thay đổi người đảm nhiệm việc quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của cơ sở xử lý CTNH theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP thì người thay thế phải có chứng chỉ quản lý CTNH trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày thay thế người quản lý, điều hành.

+ Phải vận chuyển CTNH về cơ sở xử lý để xử lý bằng các hệ thống, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép sau khi tiếp nhận từ chủ nguồn thải CTNH, trừ trường hợp chuyển giao cho cơ sở xử lý CTNH khác

+ Bảo đảm các hệ thống, phương tiện, thiết bị vận chuyển, xử lý CTNH (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH) đã được cấp phép và công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở xử lý và trạm trung chuyển (nếu có) đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư trong quá trình vận hành.

Có thể nói rằng các quy định về ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn CTYT gây ÔNMT đã quy định cụ thể trách nhiệm của chủ nguồn thải, chủ xử lý chất thải. Tuy nhiên chưa có quy định nào quy định nội dung thể nào là ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn CTYT gây ÔNMT nên chưa có cách hiểu thống nhất đảm bảo tính thực thi của pháp luật đối với nội dung này. Ý thức chấp hành pháp luật về ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn CTYT gây ÔNMT của các chủ thể chưa cao. Trên thực tế đối với chất thải rắn y tế nguy hại, hầu hết các cơ sở y tế đã bố trí túi nilon, hộp an toàn và các xô, thùng để phục vụ công tác thu gom, phân loại. Về cơ bản công tác thu gom, phân loại chất thải y tế trong đó có chất thải rắn y tế nguy hại đã đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc bố trí túi nilon, hộp an toàn đảm bảo theo quy định còn chưa đầy đủ hoặc túi nilon, hộp an toàn chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, tại một số cơ sở còn có hiện tượng để chất thải có tính nguy hại không đúng với dụng cụ, thiết bị thu gom theo quy định hoặc có lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường/chất thải nguy hại khác loại. Một số bệnh viện chưa thực hiện đúng quy định như vụ việc Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) bị báo chí phản ánh việc các loại rác thải y tế như dây truyền, bơm tiêm... vẫn còn vương máu bệnh nhân được nhân viên xử lý bằng các thiết bị thô sơ, đập, cắt, ngâm tẩy... rồi bán ra ngoài thị trường vào tháng 01/2016.¹¹

Nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường của các chủ thể chủ yếu tập trung ở các bệnh viện lớn, ở các bệnh

¹¹<https://dantri.com.vn/suc-khoe/benh-vien-bach-mai-bi-to-tuon-chat-thai-y-te-ra-ngoai-20160108194018925.htm>

viện quy mô nhỏ hoặc các trạm y tế vấn đề này chưa được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Nước ta hiện có hơn 11.000 trạm y tế tuyến xã, khác với đặc thù của các BV là tập trung vào hoạt động khám và điều trị, các trạm y tế xã đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện chuỗi hoạt động dự phòng cho toàn bộ cộng đồng trên địa bàn, bên cạnh đó, vẫn đảm nhiệm vai trò là cơ sở khám chữa bệnh với trung bình 11-12 lượt bệnh nhân mỗi ngày. Tất cả các hoạt động trên đều phát sinh CTRYT với khối lượng, chủng loại khác nhau, nhưng phổ biến nhất là chất thải lây nhiễm sắc nhọn và chất thảo thông thường. Lượng CTRYT phát sinh trung bình tại mỗi trạm y tế là 1,5kg/ngày, trong đó có 0,3kg là chất thải nguy hại, thấp hơn nhiều so với tại các BV huyện và các BV tuyến tỉnh/thành phố và trung ương. Tuy ít như vậy nhưng tính chất nguy hại của chất thải y tế là giống nhau, hơn nữa, nếu nhân khối lượng này với con số hơn 11.000 trạm y tế trong cả nước thì lượng chất thải này rất cần được quan tâm. Trạm y tế xã phường, cũng như bất kỳ cơ sở y tế nào, cần thiết phải có kế hoạch cụ thể, phân công người phụ trách và có các hoạt động theo dõi, kiểm tra, báo cáo, cũng như có mục chi tài chính cho hoạt động này. Song, không có trạm y tế nào tham gia nghiên cứu thực hiện đầy đủ các nội dung trên¹².

Mới đây nhất, thông tin về việc đổ trộm chất thải y tế ra đường giao thông khiến cho dư luận hết sức bất bình. Cụ thể vào những ngày đầu tháng 6/2019 người dân xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê (Hà Tĩnh) rất bức xúc khi phát hiện một lượng lớn rác thải y tế bị đổ trộm trên địa bàn, gây ô nhiễm môi trường. Trước hành vi thiếu ý thức gây tác động rất nguy hại đến môi trường, người dân yêu cầu cơ quan chức năng truy tìm ra đối tượng đổ trộm. Tại hiện trường, nhiều bao tải đã bị vỡ, chủ yếu đựng chai lọ thủy tinh, kim tiêm và nhiều vỏ chai thuốc bằng nhựa được đổ bên lề đường. Những bao còn

¹²<http://vihema.gov.vn/thuc-trang-cong-tac-quan-ly-chat-thai-ran-y-te-tai-catramy-te-xa-o-viet-nam.html>

nguyên bên trong cũng chứa một lượng lớn rác thải là dụng cụ y tế đều còn gắn nhãn mác, chỉ cần một cơn mưa sẽ mang hết xuống khe suối.¹³

2.3. Các quy định về khắc phục ô nhiễm, cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do chất thải y tế

Phục hồi môi trường đề cập đến việc loại bỏ ô nhiễm hoặc chất gây ô nhiễm từ môi trường như môi trường đất, nước dưới đất, trầm tích hay mặt nước¹⁴. Khắc phục ô nhiễm, cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do CTYT là hoạt động giảm thiểu tác động của ô nhiễm do CTYT đến môi trường, con người và nâng cao chất lượng môi trường tại khu vực môi trường bị ô nhiễm. Khu vực môi trường bị ô nhiễm được phân loại theo 3 mức độ gồm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2 Điều 105 Luật BVMT 2014).

Cách xác định khu vực bị ÔNMT được Luật BVMT 2014 quy định tại khoản 1 Điều 106 như sau:

- + Xác định phạm vi, giới hạn của khu vực môi trường bị ô nhiễm;
- + Xác định mức độ ô nhiễm, đánh giá rủi ro;
- + Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan;
- + Các giải pháp xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường;
- + Xác định các thiệt hại đối với môi trường làm căn cứ đề yêu cầu các bên gây ô nhiễm phải bồi thường.

Bên cạnh đó Luật cũng đã quy định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức là chủ nguồn thải và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong khắc phục ô nhiễm, phục hồi cải thiện môi trường tại Điều 107. Theo đó chủ nguồn thải có các trách nhiệm:

¹³<https://baotainguyenmoitruong.vn/moi-truong/huong-khe-ha-tinh-do-trom-rac-thai-y-te-ra-duong-giao-thong-1270188.html>

¹⁴https://vi.wikipedia.org/wiki/Phục_hồi_môi_trường

+ Một là phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi tiến hành các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

+ Hai là tiến hành biện pháp khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường khi gây ô nhiễm môi trường;

+ Ba là trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng gây ô nhiễm môi trường mà không tự thỏa thuận được về trách nhiệm thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan làm rõ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Đối với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Luật quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn, hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Còn Bộ Tài nguyên và môi trường có các trách nhiệm sau: Quy định tiêu chí phân loại khu vực ô nhiễm môi trường; hướng dẫn thực hiện hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường; kiểm tra xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; điều tra, đánh giá và tổ chức thực hiện các hoạt động khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường đối với các khu vực bị ô nhiễm liên tỉnh; trường hợp môi trường bị ô nhiễm do thiên tai gây ra hoặc chưa xác định được nguyên nhân thì bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm huy động nguồn lực để tổ chức khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường.

Trên cơ sở Luật BVMT 2014, ngày 12/10/2016 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành, Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm thuộc trách nhiệm xử lý của Nhà nước. Thông tư quy định rõ trách nhiệm của

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 107 Luật BVMT 2014. Bên cạnh đó, Thông tư còn có các phụ lục như danh mục và mức độ nguy hại của các chất gây ô nhiễm; hướng dẫn về điều tra, đánh giá sơ bộ, chi tiết và phân loại khu vực có khả năng bị ÔNMT.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, xác định phương hướng, mục tiêu đến năm 2020, ngày 01/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1788/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 (gọi tắt là Quyết định 1788). Kế hoạch nêu rõ các đối tượng gây ÔNMT nghiêm trọng trong đó có các bệnh viện. Theo Quyết định 1788, trong danh sách các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng có 172 cơ sở y tế, trong đó 10 cơ sở y tế còn tồn đọng từ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 về việc phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải hoàn thành việc xử lý trước ngày 31/12/2015. Cũng theo Quyết định trên, trong giai đoạn 2016 - 2020 cần tiếp tục xử lý 118 cơ sở y tế (các bệnh viện tuyến huyện) gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kế hoạch xác định mục tiêu rà soát, phát hiện và tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên phạm vi cả nước; hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phấn đấu đến năm 2020 không còn cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Sau gần 4 năm triển khai thực hiện, tính đến tháng 6/2017 đã có 57/172 cơ sở (chiếm 32,5%) được cấp chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ÔNMT nghiêm trọng theo quy định; 56/172 cơ sở (chiếm 33,7%) đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải và đang làm thủ tục ra khỏi Danh mục gây ÔNMT nghiêm trọng; 7/172 cơ sở (chiếm 4%) đã được phê duyệt các hạng

mục đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý CTYT; 40/172 cơ sở (chiếm 23%) đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý CTYT nhằm khắc phục tình trạng ÔNMT nghiêm trọng; 12/172 cơ sở (chiếm 7%) chưa triển khai đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý CTYT theo quy định. Nhìn chung, nhiều địa phương đã chủ động và tích cực bố trí nguồn kinh phí đầu tư cho các cơ sở y tế xây dựng hệ thống xử lý chất thải và đến nay đã hoàn thành việc xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, đạt 100% yêu cầu theo quy định như Phú Thọ (7 đơn vị), Thanh Hóa (5 đơn vị), Cao Bằng (6 đơn vị)... Bên cạnh đó, một số địa phương đang tập trung nguồn lực cho các CSYT triển khai các dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý CTYT nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý như Đắk Lắk có 18 cơ sở, trong đó 8 cơ sở đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý CTYT, 8 cơ sở đang làm thủ tục ra khỏi danh sách ÔNMT nghiêm trọng, 2 cơ sở chưa triển khai đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải theo quy định; Nam Định có 16 cơ sở, trong đó 2 cơ sở đã được phê duyệt dự án đầu tư xử lý chất thải, 13 cơ sở đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý CTYT nhằm khắc phục tình trạng ÔNMT nghiêm trọng, còn 1 cơ sở chưa triển khai đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải theo quy định. Tuy nhiên vẫn còn một số địa phương chưa có cơ sở nào ra khỏi danh sách gây ÔNMTNT như Sơn La có 14 cơ sở; Tây Ninh 9 cơ sở; An Giang 9 cơ sở, Đắk Nông 7 cơ sở...¹⁵ Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 xử lý triệt để các cơ sở y tế gây ÔNMT nghiêm trọng thì đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt được kết quả.

Như vậy, Luật BVMT 2014 đã có các quy định về phục hồi hiện trạng môi trường nhằm góp phần phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do ÔNMT gây ra. Tuy nhiên như chúng ta đã biết ÔNMT do CTYT và những thiệt hại do nó gây ra tác động đến môi trường và con người có những đặc thù riêng của nó,

¹⁵<http://dwrn.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Tai-nguyen-nuoc/Cham-xu-ly-cac-co-so-o-nhiem-nghiem-trong-trong-nganh-y-te-6119>

vì vậy khi pháp luật chưa có quy định riêng về phục hồi môi trường bị ô nhiễm do CTYT thì việc áp dụng các quy định chung về phục hồi môi trường trên để giải quyết vấn đề ÔNMT do CTYT là rất khó và hiệu quả không cao.

2.4. Các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Tính đến năm 2018, cả nước có 1.365 bệnh viện (chưa kể các bệnh viện quân đội do Bộ Quốc phòng quản lý), với tổng số 253.447 giường bệnh theo kế hoạch; 339.313 giường bệnh theo thực kê và gần 590.000 cán bộ y tế. Hằng năm, các cơ sở này đã khám trên 160 triệu lượt người và điều trị nội trú cho trên 28 triệu lượt người. Trung bình mỗi ngày một ngày lượng chất thải y tế của các bệnh viện lên tới 400 - 500 tấn, trong đó khoảng 10% là chất thải nguy hại. Cùng với đó, cả nước cũng có trên 120.000m³ nước thải y tế cần được xử lý. Theo quy định về xử lý rác thải y tế do được Bộ Y tế ban hành thì các chất thải y tế phải được các bệnh viện, doanh nghiệp và cơ quan có chức năng tiến hành tiêu hủy và xử lý an toàn. Tuy nhiên, cả nước mới chỉ có khoảng 60% số bệnh viện có công trình xử lý nước thải y tế, còn lại là chủ yếu xử lý sơ bộ bằng hóa chất, bể phốt, bể tự hoại rồi xả thẳng vào hệ thống thoát nước chung nên không bảo đảm an toàn. Đối với chất thải rắn, 90% bệnh viện thu gom hàng ngày, 67% bệnh viện xử lý bằng lò đốt than bùn hoặc công nghệ đốt khác, 32,2% xử lý bằng lò thủ công hoặc chôn lấp trong bệnh viện. Thống kê cho thấy, hiện cả nước mới chỉ có gần 200 lò đốt rác thải y tế chuyên dụng, trong đó có 2 xí nghiệp đốt rác tập trung tại Hà Nội và TPHCM, còn lại là các lò đốt rác cỡ trung bình và cỡ nhỏ. Số lò đốt rác thải y tế này mới chỉ phục vụ cho khoảng 450 bệnh viện và cơ sở y tế. Do đó, trong khoảng 500 tấn chất thải y tế mỗi ngày thì chỉ có 1/3 được đốt bằng lò đốt hiện đại, đảm bảo an toàn môi trường. Số rác thải rắn còn lại được tiêu hủy bằng lò thủ công, chôn trong khuôn viên bệnh viện, hoặc thải trực tiếp ra bãi rác chung, nơi có đông dân cư sinh sống và không ít được tuồn bán ra ngoài

để tái chế. Đây thực sự là những mối nguy đe dọa môi trường và cuộc sống của người dân¹⁶

Pháp luật khi được ban hành luôn quy định chế tài áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật để đảm bảo pháp luật được thực thi. Trách nhiệm pháp lý được cấu thành bởi 04 loại trách nhiệm là trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự. Tùy từng trường hợp mà cá nhân, tổ chức vi phạm có thể chịu các trách nhiệm pháp lý khác nhau, nhưng đối với một hành vi vi phạm một cá nhân không phải chịu quá 3 loại trách nhiệm pháp lý. Đối với pháp luật BVMT, Điều 160, Luật bảo vệ môi trường 2014 quy định: *“Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan”*

2.4.1. Các quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật môi trường y tế

Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định khá rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong tổ chức thanh tra việc thực hiện pháp luật môi trường. Theo đó Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường có trách nhiệm *“Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật”* (Khoản 9 Điều 141).

Điều 6 Nghị định số 35/2009/NĐ-CP được chính phủ ban hành ngày 07/4/2009 về tổ chức của Thanh tra Tài nguyên môi trường, các cơ quan thanh tra, kiểm tra gồm:

- + Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường
- + Thanh tra Tổng cục môi trường
- + Thanh tra Sở tài nguyên và Môi trường

¹⁶ vihema.gov.vn

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác trong việc thực hiện quyền thanh tra và phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Còn Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm “chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý.” (điểm e khoản 2 Điều 142 Luật BVMT 2014)

Đối với UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh” (điểm g khoản 1 điều 143). Và đối với trách nhiệm của UBND cấp huyện có trách nhiệm: “Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan” (điểm e khoản 2 điều 143 Luật BVMT 2014).

Quyết định số 86/QĐ-BYT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ y tế quy định về chức năng nhiệm vụ Cục Quản lý môi trường y tế đã quy định nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Cục quản lý môi trường Bộ Y tế đã có quy định “Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế, bảo vệ môi trường trong cơ sở y tế.”

Đối tượng thanh tra, kiểm tra về CTYT là các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến CTYT trên

lãnh thổ Việt Nam. Nói cách khác, đối tượng của thanh tra, kiểm tra về môi trường là các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT ví dụ như bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở sản xuất dược phẩm...

Tại Chương VII Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 quy định về quản lý chất thải rắn đã quy định về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm quản lý chất thải rắn: Thanh tra môi trường các cấp thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về quản lý chất thải rắn. Nội dung, hình thức và phương thức hoạt động thanh tra môi trường được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 65/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường (nay là Nghị định số 53/2009/NĐ-CP ngày 07/4/2009 của chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường

Từ những quy định trên cho thấy pháp luật môi trường quy định khá cụ thể về công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về CTYT. Từ trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến Bộ Y tế và UBND các cấp. Nhiều vụ việc được phát hiện và kịp thời xử lý qua công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về CTYT.

+ Ngày 8-9-2016, tổ công tác Phòng Cảnh sát môi trường (Công an tỉnh Hòa Bình) phối hợp Công an huyện Đà Bắc tổ chức kiểm tra thực tế tại BV Đa khoa Đà Bắc. Quá trình kiểm tra đã phát hiện tại khu vực phía sau Khoa Ngoại của BV có một hố đất lớn, bên dưới hố có nhiều túi ni-lông chứa đựng nhiều vật thải nghi là chất thải y tế. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, yêu cầu lãnh đạo BV Đa khoa Đà Bắc giữ nguyên hiện trạng, đồng thời cung cấp hồ sơ liên quan việc quản lý, xử lý chất thải y tế. Sau đó, Phòng Cảnh sát môi trường phối hợp các cơ quan chức năng làm việc với lãnh đạo BV đa khoa Đà Bắc và tiếp tục khai quật vị trí chôn lấp chất thải y tế. Tổng số chất thải y tế được phát hiện dưới hố chôn lấp là 71 bao, tương đương 1.335 kg.

+Tháng 10/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Công an tỉnh Bắc Ninh thành lập đoàn kiểm tra đột xuất công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thu gom, tái chế chất thải trên địa bàn xã Văn Môn. Xét thấy hành vi của chủ thu gom chất thải có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, cần điều tra, xét hỏi nhiều đối tượng để xử lý nghiêm, lãnh đạo các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công an và Y tế tỉnh Bắc Ninh thống nhất để Công an tỉnh chủ trì điều tra, xác minh. Kết quả điều tra bước đầu cho thấy: Bãi tập kết chất thải y tế có diện tích 1.800 m² tại thôn Quan Độ là của Công ty TNHH Bảo Ngọc (Công ty Bảo Ngọc). Tại thời điểm kiểm tra, xác minh, chất thải bao gồm: chai, lọ thủy tinh, ống truyền dịch, bơm kim tiêm... để lộ thiên, không có tường bao, mái che, nên không được xây chôn cất... Đoàn kiểm tra đã tiến hành lấy mẫu giám định đối với chất thải nêu trên để tiến hành phân tích, đánh giá mức độ nguy hại; đồng thời tiến hành bốc dỡ lượng chất thải 90.280 kg đưa về lưu giữ và niêm phong tại Công ty TNHH Môi trường VK, tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, để xử lý theo quy định. Theo hồ sơ thu thập được, Công ty Bảo Ngọc đã ký hợp đồng thu gom chất thải từ 12 cơ sở y tế, BV đa khoa trong và ngoài tỉnh. Cụ thể gồm: BV Đa khoa Nông nghiệp, ở huyện Thanh Trì (TP Hà Nội); BV Hữu Nghị Hà Nội; BV Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí (TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh); BV Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh (TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh); BV Đa khoa tỉnh Quảng Ninh; BV Đa khoa tỉnh Hòa Bình; BV Đa khoa tỉnh Phú Thọ; BV A Thái Nguyên; BV C Thái Nguyên; BV Sản-Nhi Bắc Giang; BV Đa khoa tỉnh Bắc Ninh; BV Quân y 110 (TP Bắc Ninh).¹⁷

Tuy nhiên, Luật Thanh tra 2010 có quy định về thanh tra chuyên ngành theo hướng mở rộng, tăng cường hoạt động của thanh tra chuyên ngành, hoạt động của thanh tra chuyên ngành không chỉ được tiến hành bởi Thanh tra bộ,

¹⁷http://nhandan.org.vn/nation_news/item/31551302-can-kiem-soat-chat-che-quy-trinh-xu-ly-chat-thai-y-te.html

Thanh tra sở, nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành còn được giao cho cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, đó là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, theo lĩnh vực bao gồm tổng cục, cục thuộc bộ, chi cục thuộc sở; Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không thành lập cơ quan thanh tra độc lập; Khi tiến hành thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật còn tại Luật BVMT 2014 các quy định về thanh tra chưa thực sự rõ ràng Điều này là nguyên nhân dẫn đến việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng. Ngoài ra Luật BVMT 2014 vẫn chưa có quy định riêng về thanh tra, kiểm tra môi trường các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT và không có khó khăn gì để nhận thấy rằng kết quả của công tác thanh tra đối với việc thực hiện pháp luật về môi trường nói chung và thanh tra, kiểm tra về môi trường các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT nói riêng vẫn chưa phản ánh một cách thực chất, đầy đủ các hành vi làm ô nhiễm của các tổ chức, cá nhân gây ra. Trên thực tế, nhiều vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng thường đều do báo chí và nhân dân phát hiện, và khi dư luận bức xúc nóng bỏng rồi thanh tra mới vào cuộc. Công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan chức năng địa phương chưa được thực hiện thường xuyên. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác BVMT còn hạn chế, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn cũng là nguyên nhân dẫn tới kết quả của công tác thanh tra đối với việc thực hiện pháp luật về môi trường nói chung và thanh tra, kiểm tra về môi trường các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT, cơ sở xử lý chất thải y tế nói riêng chưa đạt kết quả theo yêu cầu.

2.4.2. Trách nhiệm hành chính

Trách nhiệm hành chính là một dạng của trách nhiệm pháp lý được áp dụng trong hoạt động quản lý – hoạt động hành chính nhà nước theo quy định

của luật hành chính. Đó là sự áp dụng những biện pháp cưỡng chế hành chính mang tính chất xử phạt hoặc khôi phục lại những quyền và lợi ích bị xâm hại được quy định trong những chế tài của quy phạm pháp luật hành chính bởi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đối với những chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Do đó trách nhiệm hành chính thể hiện sự phản ứng tiêu cực của nhà nước đối với chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính, kết quả là chủ thể đó phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, bị thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần.

Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền, căn cứ quy định pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp xử phạt và các biện pháp cưỡng chế hành chính khác (trong trường hợp cần thiết và theo quy định của pháp luật) đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do chất thải y tế.

Luật BVMT 2014 chỉ quy định về xử phạt vi phạm hành chính do hành vi làm ô nhiễm môi trường với nội dung mang tính nguyên tắc, ví dụ như tại khoản 2 Điều 104 của Luật quy định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải bị xử phạt vi phạm hành chính. Hiện nay xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT ở nước ta được áp dụng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Nghị định 155/2016/NĐ-CP đã quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Đối với xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT tuy chưa có văn bản riêng quy định nhưng đây là vấn đề liên quan đến môi trường và các hành vi vi phạm đều tác động trực tiếp đến môi trường nên các chủ thể vi phạm trong lĩnh vực này sẽ bị áp dụng các quy định xử lý vi phạm hành chính tương ứng của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 155/2016/NĐ-CP. Theo đó hình thức xử phạt hành chính do vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường gồm: cảnh cáo, phạt tiền và các hình thức xử phạt bổ sung khác. Ngoài các hình thức xử phạt chính và bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 155/2016/NĐ-CP.

Để nghiên cứu nội dung các hình thức xử phạt hành chính, trước tiên cần xác định các hành vi vi phạm liên quan tới kiểm soát ÔNMT do CTYT sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm những hành vi nào? Theo quy định Nghị định 155/2016/NĐ-CP thì những hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

- + Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường
- + Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường
- + Vi phạm các quy định về đề án bảo vệ môi trường
- + Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường
- + Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường
- + Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường

+Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường

+ Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại

+ Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại

+ Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại

* Các hình thức xử phạt chính bao gồm cảnh cáo và phạt tiền. Hình thức cảnh cáo: “được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.” (Điều 22 Luật Xử lý vi phạm hành chính). Đây là hình thức xử phạt nhẹ nhất đối với các hành vi vi phạm hành chính trong kiểm soát ÔNMT do CTYT có mục đích nhắc nhở để hướng các chủ thể vi phạm tới việc xử sự đúng theo quy định của pháp luật. Hình thức phạt tiền được áp dụng với hầu hết các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm soát ÔNMT do CTYT. Mức phạt đối với hình thức phạt tiền được quy định như sau: “Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt”. (khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính). Và theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định 155/2016/NĐ-CP: “Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ

môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức”.

* Các hình thức phạt bổ sung trong xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT bao gồm tước quyền sử dụng có thời hạn đối với các loại giấy chứng nhận, giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định của pháp luật; tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT. Các hình thức phạt bổ sung và biện pháp khác được áp dụng kèm theo hình phạt chính nếu pháp luật có quy định. Tùy theo mức độ, tính chất của hành vi vi phạm cá nhân, tổ chức có thể bị áp dụng các hình thức phạt bổ sung kèm theo hình phạt chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Những quy định trên là cơ sở pháp lý để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT. Thời gian qua, với sự nỗ lực của các cơ quan chức năng trong phát hiện và kịp thời xử lý vi phạm hành chính các hành vi làm ô nhiễm môi trường đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đảm bảo tính thực thi của pháp luật. Có thể kể đến như:

+ Ngày 26/6/2017, Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên – Môi trường Ninh Bình đã kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính đối với dự án bệnh viện sản nhi Ninh Bình và phát hiện dự án này thiếu báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sau đó, Giám đốc Sở Tài nguyên – Môi trường Ninh Bình đã có đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính đối với chủ đầu tư dự án Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình. UBND tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chủ đầu tư là Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Bình với số tiền 400 triệu đồng. Quyết định nêu rõ, dự án Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình đã vi phạm quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 11, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP

ngày 18/11/2016 của Chính phủ. Đồng thời, đình chỉ hoạt động xây dựng đối với dự án điều chỉnh, bổ sung đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Ninh Bình trong thời gian 60 ngày. Được biết, sau khi bị xử phạt 400 triệu đồng, chủ đầu tư dự án bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình cũng đã hoàn tất hồ sơ trình Bộ Tài nguyên – Môi trường và Hội đồng của Bộ cũng đã về thẩm định ĐTM đối với dự án.¹⁸

+ Tháng 11 năm 2016, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3066/QĐ-XPVPHC, xử phạt đối với Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột do ông Y Lâm Niê, Giám đốc bệnh viện. Theo Quyết định, Bệnh viện thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 2 lần đến dưới 5 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80m³/ngày đến dưới 100 m³/ngày. Hình thức xử phạt hành chính với số tiền 250 triệu đồng. Ngoài ra, Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường chậm nhất là đến ngày 31-12-2016, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát. Buộc Bệnh viện đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột chi trả kinh phí trưng cầu giám định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường theo định mức, đơn giá đã được phê duyệt trong trường hợp xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải với số tiền 1.836.000 đồng.¹⁹

+ Ngày 28/05/2018 Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đã lập biên bản vi phạm hành chính số 19/ BB-VPHC đối với Bệnh viện Việt Nam-Cu Ba –Đông Hới về lĩnh vực Bảo vệ môi trường, với các hành vi cụ thể như sau: Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường

¹⁸ Xem: Bệnh viện 2700 ty thiếu đánh giá tác động môi trường phạt 400 triệu Nguồn: <https://dantri.com.vn/xa-hoi/benh-vien-2700-ty-thieu-danh-gia-tac-dong-moi-truong-phat-400-trieu-20170803130023644.htm>

¹⁹Xem: Xử phạt vi phạm hành chính bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Mê Thuột. Nguồn: <https://daklak.gov.vn/-/xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-benh-vien-a-khoa-thanh-pho-buon-ma-thuot>

vào môi trường, vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 3 lần (lưu lượng xả thải 350m³/ ngày đêm) cụ thể: Chỉ tiêu BDD5 vượt 1,56 lần chỉ tiêu; Amoni vượt 2,6 lần vi phạm quy định tại khoản 3 điều 13, nghị định số 155/2016/NĐCP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.²⁰

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT cho thấy một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong điều kiện hiện nay:

- Thứ nhất đó là việc xác định hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định kiểm soát ô nhiễm môi trường như xả thải vượt quy chuẩn gây ô nhiễm môi trường không phải dễ dàng bởi hoạt động ngày càng tinh vi mà việc quản lý, giám sát, theo dõi để phát hiện, xử lý các vi phạm của chính quyền cơ sở cũng chưa thực sự tốt; hoạt động tuyên truyền, kêu gọi các đoàn thể xã hội, người dân tham gia giám sát, phát hiện các trường hợp vi phạm chưa hiệu quả...

- Thứ hai quy định về mức phạt là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức so với những lợi ích mà các chủ thể vi phạm có được do vi phạm hoặc những thiệt hại mà các chủ thể gây ra cho môi trường và sức khỏe con người là chưa tương xứng, chưa đủ sức răn đe nên dẫn đến chủ thể vi phạm có thể tái phạm nhiều lần.

- Thứ ba, trong các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 có biện pháp *buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả* (điểm d khoản 2 Điều 86) và khoản 1 Điều 58 Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định: “biện pháp cưỡng chế, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục và tổ

²⁰ Xem: Quảng Bình có ưu ái cho những vi phạm của bệnh viện Việt nam-Cu Ba Nguồn: <https://baomoi.com/quang-binh-co-uu-ai-cho-nhung-vi-pham-cua-benh-vien-viet-nam-cu-ba/c/27797301.epi>

chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”. Tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và một số văn bản luật liên quan khác, chưa có quy định cụ thể đối với biện pháp *buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*. Điều này đã kéo theo khó khăn, lung túng trong việc ban hành quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền, vì trong quyết định cưỡng chế phải ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.

- Thứ tư, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 155/2016/NĐ-CP chưa có quy định về cơ chế phối hợp, cũng những trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành liên quan trong phối hợp thực hiện các quyết định cưỡng chế thi hành các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ví dụ như tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính có quy định biện pháp “*Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm*”, để thi hành biện pháp này cần có sự phối hợp của cơ quan, tổ chức nơi quản lý, chi trả lương, thu nhập của chủ thể vi phạm như ngân hàng, bảo hiểm xã hội, kho bạc.....Nếu không có quy định cơ chế phối hợp thì cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế sẽ gặp nhiều khó khăn để thi hành quyết định như việc trong một số trường hợp, ngân hàng không cung cấp tài khoản với lý do phải bảo mật thông tin khách hàng.

+ Thứ năm, về quy định trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, thẩm quyền xử phạt của các cơ quan quản lý nhà nước theo các quy định trong Luật khác với các Nghị định liên quan và giữa các Nghị định cũng không thống nhất. Cụ thể như sau: Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định thẩm quyền xử phạt của rất nhiều cơ quan và cá nhân, trong đó có cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường,

thanh tra Bộ và Sở Tài nguyên và Môi trường, thanh tra Bộ và Sở Y tế, thanh tra Bộ và Sở Lao động-Thương binh-Xã hội, v.v... Tại điều này còn quy định thẩm quyền xử phạt của thủ trưởng rất nhiều cơ quan, trong đó có Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế là cơ quan trực tiếp quản lý môi trường ngành y tế. Nghị định 72/2010/NĐ-CP có quy định trách nhiệm cụ thể của Bộ Công an, Bộ TN&MT và Ủy ban Nhân dân các cấp trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường. Nghị định số: 179/2013/NĐ-CP về xử lý vi phạm trong lĩnh vực BVMT chỉ quy định thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp, công an và thanh tra chuyên ngành môi trường. Điều 159 Luật BVMT 2014 đã quy định nhiệm vụ của thanh tra BVMT các cấp: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên phạm vi cả nước. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở, dự án, công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

Thứ sáu, đối với các hình thức xử phạt bổ sung trong xử phạt vi phạm hành chính, có quy định đình chỉ hoạt động có thời hạn, quy định này là không thể áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT bởi liên quan đến hoạt động của các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải y tế thì không thể đình chỉ hoạt động.

2.4.3. Trách nhiệm dân sự

Trách nhiệm dân sự là trách nhiệm phát sinh do vi phạm nghĩa vụ dân sự. Trên phạm vi thế giới, hiện đang tồn tại song song 2 quan niệm khác nhau về thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường: Một là, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường chỉ gồm thiệt hại đối với các yếu tố môi trường tự nhiên,

như hệ động vật, thực vật, đất, nước, không khí... mà không bao gồm thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe và tài sản của con người. Hai là, thiệt hại về môi trường không chỉ bao gồm các thiệt hại đến chất lượng môi trường mà còn cả thiệt hại về sức khỏe, tài sản của cá nhân do ô nhiễm môi trường gây nên. Ở nước ta tính từ thời điểm Luật BVMT 2005 được ban hành, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được xác định theo quan niệm thứ hai. Việc xác định thiệt hại do ÔNMT được quy định tại Điều 163 Luật BVMT 2014 “*Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gồm: Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.*”

Đối với thiệt hại môi trường do chất thải y tế thì pháp luật BVMT và các văn bản liên quan chưa quy định cụ thể nội dung cũng như cách xác định thiệt hại môi trường do CTYT để làm căn cứ bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên kiểm soát ÔNMT do chất thải y tế là một bộ phận của pháp luật môi trường vì vậy các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do chất thải y tế gây thiệt hại nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của Luật BVMT 2014 và Bộ Luật Dân sự 2015.

Theo quy định thì cấu thành trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT được xác định bởi 3 yếu tố cấu thành là: có hành vi vi phạm pháp luật, có thiệt hại xảy ra trên thực tiễn và xác định được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại xảy ra. Khoản 4 Điều 109 Luật BVMT năm 2014: “Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan”. Điều 60 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi

trường: “Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi”. Khoản 2 Điều 13 Nghị định 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường: “Tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với môi trường do mình gây ra, đồng thời phải chi trả toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại cho cơ quan đã ứng trước kinh phí”. Từ các quy định này cho thấy trách nhiệm dân sự do hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT chủ yếu là trách nhiệm bồi thường vật chất.

Ô nhiễm môi trường do CTYT đang gây ra những hậu quả hết sức nặng nề, những hành vi gây ô nhiễm môi trường CTYT vẫn đang được áp dụng các chế tài nhằm nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường. Đặt ra trách nhiệm bồi thường cũng nhằm bảo vệ quyền lợi những người bị ảnh hưởng bởi việc vi phạm quy định về bảo vệ môi trường gây ra. Tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc khi áp dụng các quy định này trên thực tế như:

+ Quy định của Điều 602 Bộ luật Dân sự 2015: “Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi”, theo quy định trên, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại, ngoài việc phải chịu trách nhiệm theo quy định của luật chuyên ngành thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại, kể cả chủ thể đó không có lỗi. Còn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 112 của Luật BVMT 2014 thì chủ thể gây sự cố môi trường có trách nhiệm “Bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan”. Cách dẫn chiếu như vậy thì rất khó trong việc xác định trách nhiệm bồi

thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT. Vì vậy pháp luật cần có các quy định mang tính linh hoạt và thống nhất hơn trong lĩnh vực này.

+ Bộ Luật Dân sự 2015 và Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 quy định Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm. Nếu áp dụng quy định này cho việc yêu cầu đòi bồi thường trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT là không hợp lý, vì trên thực tế đối với các vi phạm về kiểm soát ÔNMT do CTYT thì ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm không hoàn toàn trùng khớp với ngày phát sinh thiệt hại, ví dụ như thiệt hại đối với người bị ảnh hưởng của chất thải phóng xạ, nhiễm chất độc, chất thải hóa học và dược phẩm...., do vậy cần hướng tới việc quy định thời hiệu khởi kiện gắn với thời điểm thiệt hại thực tế bắt đầu xảy ra.

Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung và kiểm soát ÔNMT do CTYT nói riêng ở nước ta hiện nay đóng một vai trò quan trọng nhằm góp phần làm giảm sự ô nhiễm, suy thoái môi trường. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT là cần thiết.

2.4.4. Trách nhiệm hình sự

Hiện nay chưa có quy định nào của pháp luật hình sự quy định trực tiếp các nội dung về tội phạm trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT vì vậy đối với các hành vi vi phạm pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự sẽ được điều chỉnh bởi các quy định tại chương XIX của Bộ Luật hình sự 2015. Theo đó những tội danh mà các chủ thể vi phạm có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Bộ Luật Hình sự 2015 là:

- + Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235)
- + Tội vi phạm về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236)

+ Tội vi phạm về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237)

Tùy thuộc vào tội danh cụ thể và mức độ vi phạm mà pháp luật hình sự quy định mức phạt tù và phạt tiền tương ứng. Mức phạt tiền cao nhất là 10.000.000.000 đồng và thấp nhất là 50.000.000 đồng. Mức phạt tù cao nhất là 10 năm. Ngoài ra chủ thể vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.

Trên thực tế hiện nay chưa có vụ việc vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế được đưa ra truy cứu trách nhiệm hình sự. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự đối với xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT, các quy định của pháp luật hình sự về vấn đề này còn có một số bất cập, hạn chế như:

+ Đối với tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường được quy định tại Điều 237 BLHS 2015 để xử lý hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa và vi phạm quy định về ứng phó, khắc phục sự cố môi trường. Trong đó, hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường sẽ bị xử lý khi để xảy ra sự cố môi trường. Theo quy định tại Khoản 10, Điều 3 Luật BVMT năm 2014: “Sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng”. Việc quy định này mang tính định tính và không rõ ràng khi xác định thế nào là “nghiêm trọng”. Do vậy, nếu chỉ quy định như tại Điểm a, Khoản 1, Điều 237 là “để xảy ra sự cố môi trường” đã bị xử lý hình sự thì sẽ không hợp lý và không rõ trường hợp nào sẽ phải xử lý. Sự cố môi trường có thể có nhiều cấp độ khác nhau và theo quy định về tội phạm môi trường là những hành vi nguy hiểm cho môi trường cần phải loại bỏ thì nhất thiết phải xác định được hậu quả trong trường hợp này.

+ Về chủ thể phạm tội: Lần đầu tiên luật hình sự nước ta quy định pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm, tuy nhiên theo quy định tại Điều 75 Bộ Luật Hình sự 2015 thì pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác; Việc thành lập, hoạt động và chấm dứt pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Quy định này đã loại bỏ trách nhiệm hình sự đối với các cơ sở y tế khám chữa bệnh, cơ sở xét nghiệm, nghiên cứu dược phẩm nhưng đây lại là những chủ thể chủ yếu vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT như việc vi phạm các quy chuẩn quốc gia về chất thải y tế; không thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường; vi phạm nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn chất thải y tế gây ô nhiễm môi trường... Như vậy Bộ Luật Hình sự 2015 chỉ áp dụng trách nhiệm hình sự về tội gây ô nhiễm môi trường đối với pháp nhân thương mại, điều này làm giảm tính răn đe, ngăn ngừa vi phạm trong kiểm soát ÔNMT do CTYT đối với các pháp nhân mà không phải pháp nhân thương mại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Như vậy, qua phân tích và đánh giá chúng ta hiểu rõ thêm các quy định của pháp luật Việt Nam về kiểm soát ÔNMT do CTYT, Chương 2 của Luận văn đã đề cập và giải quyết các nội dung sau:

- Một là, đánh giá thực trạng quy định về phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường thông qua việc phân tích và làm sáng tỏ thực trạng các quy định pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường liên quan đến chất thải y tế; phân tích các đề án kiểm soát CTYT đối với các cơ sở y tế, cơ sở xử lý CTYT có nguy cơ gây ÔNMT; các quy định về dự báo, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và thực tiễn thực hiện các quy định này ở Việt Nam. Các quy chuẩn bao gồm quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế, quy chuẩn quốc gia về lò đốt CTYT, quy chuẩn quốc gia về thiết bị hấp chất thải lây nhiễm. Qua phân tích đã chỉ ra cho đến nay Nhà nước đang ngày càng hoàn thiện hơn các quy định về phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh các nguồn CTYT gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, cũng cho thấy rất nhiều quy định hiện nay đã lạc hậu cần phải chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt đến nay, vẫn còn thiếu một số quy chuẩn, như quy chuẩn quốc gia về xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng lò vi sóng; Luật BVMT chưa có quy định về khí thải nên chưa có cơ sở đánh giá tác động môi trường của khí thải đối với các lò đốt CTYT; các kế hoạch đề án kiểm soát CTYT đối với các cơ sở y tế, cơ sở xử lý CTYT có nguy cơ gây ÔNMT được ban hành nhưng chưa hoàn thành tiến độ theo yêu cầu.

Hai là, phân tích các quy định về kiểm soát, xử lý, giảm thiểu ÔNMT do CTYT bao gồm các quy định về quan trắc hiện trạng môi trường; thanh tra kiểm tra thực hiện pháp luật môi trường và các quy định về nghĩa vụ ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn CTYT gây ÔNMT của các chủ thể. Theo đó chỉ ra

những bất cập, thiếu sót trong quy định và thực hiện pháp luật về vấn đề này. Ví dụ như hoạt động quan trắc vẫn còn nhiều tồn tại do thiếu kinh phí, cơ sở hạ tầng không đáp ứng; hoạt động thanh tra chưa phản ánh thực chất các hành vi gây ô nhiễm do các chủ thể gây ra do Luật BVMT chưa quy định riêng về thanh tra, kiểm tra môi trường các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT; chưa có cách hiểu thống nhất do chưa có quy định như thế nào là ngăn ngừa, giảm thiểu nguồn CTYT gây ÔNMT.

Ba là phân tích các quy định của pháp luật về khắc phục ô nhiễm, cải thiện phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm do CTYT. Qua phân tích cho thấy Luật BVMT và các quy định pháp luật liên quan đã quy định về phục hồi hiện trạng môi trường nhằm phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do môi trường gây ra, tuy nhiên việc áp dụng các quy định chung của Luật BVMT về phục hồi hiện trạng môi trường là chưa phù hợp vì ÔNMT do CTYT có những đặc thù riêng của nó.

Bốn là phân tích các quy định về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT, theo đó chủ thể vi phạm tùy theo mức độ có thể bị xử lý trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm kỷ luật hay trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó cũng phân tích những bất cập trong ban hành và thực hiện pháp luật về vấn đề này.

CHƯƠNG 3

YÊU CẦU ĐẶT RA VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế

Bảo vệ môi trường trong đó có kiểm soát ÔNMT do CTYT là mục tiêu ưu tiên trong phát triển bền vững của quốc gia. Trách nhiệm đó thuộc về các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Để tạo được khung pháp lý toàn diện và khả thi cho hoạt động kiểm soát ÔNMT do CTYT, việc hoàn thiện các quy định pháp luật cần đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT phải bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Tại Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành đồng thời phải có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.”. Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã ghi nhận quyền được sống trong môi trường trong lành là một nguyên tắc chính thức tuy nhiên chưa ghi nhận các quyền khác làm cơ sở, làm tiền đề cho thực hiện quyền này, như: quyền được thông tin về môi trường; quyền được yêu cầu và được bồi thường thiệt hại về môi trường; trách nhiệm hình sự với tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm đến quyền được sống trong môi trường trong lành,...và cũng chưa có các quy định về cơ chế để bảo vệ quyền này theo quy định rõ cơ chế pháp lý thuần túy (tức là kiện ra cơ quan quản lý nhà nước hoặc Tòa án) để bảo vệ quyền được sống trong môi trường trong lành. Luật BVMT 2014 và các văn bản luật liên quan cần có những cập nhật sửa đổi phù hợp với quy định của Hiến pháp, tạo nên sự thống nhất trong hệ thống pháp luật cũng như góp phần

làm tăng thêm tính hiệu quả và tính khả thi trong quá trình áp dụng, thực hiện pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT trên thực tiễn.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật kiểm soát ÔNMT do CTYT cần đảm bảo thực hiện hiệu quả đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Điều này phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ môi trường trong đó đề cao việc kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường. Tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI năm 2013 đã ra Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó đưa ra mục tiêu về bảo vệ môi trường đến năm 2020 là: “không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiêu huỷ, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế.”

Thứ ba, việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT phải đảm bảo yêu cầu của việc hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay. Với ý nghĩa đó việc hoàn thiện pháp luật về môi trường ở Việt Nam sẽ phải phù hợp với các điều ước quốc tế và khu vực về vấn đề này, đặc biệt hơn là Việt Nam càng ngày càng phải thực thi nghiêm túc những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, kể cả trường hợp Việt Nam chưa nội luật hóa các điều ước quốc tế đó. Việt Nam cần chủ động học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung và kiểm soát ÔNMT do CTYT của nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Đức,... Cần có các quy định pháp luật hạn chế việc xử lý chất thải y tế nhỏ lẻ bằng các công nghệ lạc hậu, có chính sách khuyến khích ứng dụng được các công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, thu hồi được năng lượng vào xử lý chất thải y tế, kiểm soát chất thải y tế có chứa thủy ngân như các nước trên đã quy định.

Thứ tư, việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT cần chấm dứt tình trạng chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống, còn tản mạn, phải đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong từng quy định của văn bản cũng như với cả hệ thống pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT và bảo vệ môi trường đồng thời phải dự liệu và tính toán một cách đầy đủ toàn diện, đảm bảo tính ổn định tránh tình trạng các quy định được sửa đổi liên tục gây khó khăn cho các chủ thể trong việc cập nhật và triển khai thực hiện. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định tại *Nghị quyết số 48/2005/NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020* như sau: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Tính đồng bộ và thống nhất của pháp luật phải được xem xét trên cả hai phương diện hình thức và nội dung, trong mối quan hệ giữa luật chung và luật chuyên ngành, luật nội dung và luật hình thức... đòi hỏi các văn bản pháp luật phải bảo đảm sự nhất quán. Vì vậy các văn bản pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT khi được hoàn thiện phải thống nhất với nhau và thống nhất với các văn bản luật thuộc các lĩnh vực khác, chấm dứt tình trạng các quy định của pháp luật chồng lấn nên khó triển khai trong tình trạng “lắm thầy thiếu ma” hoặc “cha chung không ai khóc”.

Thứ năm, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT cần gắn với vai trò của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư trong việc giám sát công tác quản lý, cũng như chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ quan, tổ chức. Trên thực tế, kiểm soát ÔNMT do CTYT dường như vẫn đang được xem là trách nhiệm của Nhà nước. Quan điểm kiểm soát ÔNMT để bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội vẫn

chưa được thực thi một cách đầy đủ do thiếu những quy định xác định rõ vai trò, quyền hạn, trách nhiệm, phân định nhiệm vụ giữa Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng dân cư.

Thứ sáu, quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT cần tập trung vào kiểm soát ô nhiễm tại nguồn nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích các cơ sở xử lý chất thải đầu tư các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Hỗ trợ đầu tư xử lý chất thải y tế theo hình thức hợp tác công tư để đầu tư, xây dựng các công trình, hạng mục BVMT tại cơ sở y tế nhằm phát triển năng lực xử lý chất thải y tế tại Việt Nam cả về chất lượng và số lượng.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam

- Thứ nhất, cần quy định rõ nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường vào trong Luật, như: các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường coi đây là cơ sở để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi làm ô nhiễm môi trường; các quy định về phòng ngừa, dự báo ô nhiễm môi trường; các quy định về thanh tra, kiểm tra, phát hiện ô nhiễm môi trường; các quy định về ngăn chặn, khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường; các quy định về xử lý ô nhiễm môi trường; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ nguồn thải và các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư trong thực hiện các nội dung trên nhằm giữ cho môi trường được trong lành. Trên cơ sở nội dung kiểm soát ÔNMT của Luật thì cần có một Nghị định của Chính phủ quy định về hướng dẫn thi hành các nội dung trên đồng thời Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thông tư quy định về kiểm soát ÔNMT do CTYT để đảm bảo tính thực thi và hiệu quả.

- Thứ hai, cần sửa đổi, bổ sung các quy định đối với hệ thống về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo vệ môi trường trong ngành y tế. Cụ thể như sau:

+ Đối với các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành đã lâu và không còn phù hợp Luật BVMT 2014 và yêu cầu thực tế hiện nay thì cần có những sửa đổi, bổ sung. Ví dụ như đối với QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế tại các cơ sở y tế cần bổ sung quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải y tế khi xả ra nguồn tiếp nhận. Nguồn tiếp nhận nước thải là nơi nước thải được xả vào, bao gồm hệ thống thoát nước (đô thị, khu dân cư), sông, suối, khe, rạch, kênh, mương; hồ, ao, đầm; vùng nước biển ven bờ, vùng biển và nguồn tiếp nhận khác. Sửa đổi, điều chỉnh giá trị của các thông số ô nhiễm cho phù hợp với quy chuẩn quốc gia và xem xét bổ sung một số thông số như tổng Nitơ (thay cho thông số nitrat), Clo dư, tổng các chất hoạt động bề mặt... Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế sau khi khử trùng sẽ được quản lý như đối với chất thải rắn y tế thông thường, để tránh gây tổn kém kinh phí cho các cơ sở y tế khi phải thực hiện phân tích tính chất nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT. Sửa đổi bổ sung quy định về đối tượng áp dụng theo hướng bao quát hết các nhóm đối tượng cơ sở y tế có liên quan để phù hợp với quy định tại Luật khám, chữa bệnh.

+ Đưa nội dung quy định về tổng lượng thải vào quy định của các quy chuẩn để phù hợp nội dung quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Bảo vệ môi trường 2014 “Hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong chất thải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại, khối lượng chất thải phát sinh và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải” và để làm căn cứ tính toán dự báo khả năng

ÔNMT, là cơ sở để tính thuế, phí môi trường đối với cá nhân, tổ chức có hoạt động thải CTYT hoặc khí thải ra môi trường.

+ Bổ sung quy định về thời điểm được phép xả thải hoặc thời điểm vận hành lò đốt CTYT, thiết bị hấp chất thải lây nhiễm ngoài các quy định các thông số ô nhiễm và phương pháp xác định các thông số để giảm tải cho các nguồn tiếp nhận (nguồn nước, không khí....) vào các giờ cao điểm.

+ Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật khác như quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng lò vi sóng để phù hợp với xu hướng sử dụng ngày càng rộng rãi phương pháp xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng lò vi sóng hiện nay.

Thứ ba, Luật BVMT 2014 cần có những quy định hướng dẫn cụ thể hơn về trách nhiệm dân sự do sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường trong đó có nguyên nhân do chất thải y tế:

+ Quy định cụ thể trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường trong đó có nguyên nhân do chất thải y tế, giải quyết được các nội dung chưa được quy định đầy đủ và thống nhất của Điều 602 Bộ luật Dân sự 2015 và quy định tại điểm d khoản 1 Điều 112 của Luật BVMT 2014 để tránh việc dẫn chiếu lòng vòng các quy định của pháp luật khi áp dụng và rất khó xác định định căn cứ pháp lý, quy định cụ thể để áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại với các chủ thể vi phạm.

+ Quy định thời hiệu khởi kiện gắn với thời điểm thiệt hại thực tế bắt đầu xảy ra cho việc yêu cầu đòi bồi thường trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vì ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm không hoàn toàn trùng khớp với ngày phát sinh thiệt hại

Thứ tư, đối với các quy định về xử phạt vi phạm hành chính cần tăng mức phạt tiền là 2.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 5.000.000.000 đồng đối với tổ chức nhằm đủ sức răn đe không để chủ thể vi phạm có thể tái phạm

nhiều lần. Ngoài ra, có thể bỏ quy định quy định tối đa đối với mức phạt để cơ quan có thẩm quyền trong một số trường hợp nếu xác định được thiệt hại do hành vi phạm gây ra lớn hơn mức phạt nhiều lần sẽ căn cứ để áp dụng mức xử phạt cao hơn.

+ Quy định cụ thể đối với biện pháp *buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả* khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 để cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế có căn cứ để ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng trong quyết định cưỡng chế.

+ Bổ sung quy định tại Nghị định 155/2016/NĐ-CP về cơ chế cơ chế phối hợp, cũng những trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành liên quan trong phối hợp thực hiện các quyết định cưỡng chế thi hành các quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Sửa đổi, bổ sung các quy định trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, thẩm quyền xử phạt của các cơ quan quản lý nhà nước giữa Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, Nghị định 72/2010/NĐ-CP tạo ra sự đồng bộ, thống nhất đối với quy định này.

Thứ năm, đối với các quy định về trách nhiệm hình sự cần bổ sung quy định các cơ sở y tế khám chữa bệnh, cơ sở xét nghiệm, nghiên cứu dược phẩm (là pháp nhân không phải là pháp nhân thương mại) cũng phải chịu trách nhiệm hình sự khi có các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Với sức răn đe mạnh mẽ hơn của các chế tài trách nhiệm hình sự thì các chủ thể quản lý chất thải y tế sẽ chấp hành nghiêm chỉnh hơn các quy định của pháp luật, hạn chế được sự vi phạm và các ảnh hưởng xấu đến môi trường đồng thời không bỏ lọt tội phạm môi trường.

+ Bộ Luật Hình sự 2015 cần có quy định đối với hành vi “Che giấu hành vi hủy hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường” mà theo quy định

tại khoản 15 Điều 7 của Luật BVMT 2014 thì đây là hành vi bị cấm để tạo ra sự thống nhất của các quy định pháp luật đối với tội phạm môi trường.

+ Đối với tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường được quy định tại Điều 237 BLHS 2015 khoản 1 thì nên gộp điểm a, điểm b thành 1 điểm với việc quy định “Vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỷ lệ tổn thương cơ thể 31% trở lên hoặc gây thiệt hại từ 1 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng”. Bởi vì, nếu chỉ quy định như tại Điểm a, Khoản 1, Điều 237 là “để xảy ra sự cố môi trường” đã bị xử lý hình sự thì sẽ không hợp lý và không rõ trường hợp nào sẽ phải xử lý. Sự cố môi trường có thể có nhiều cấp độ khác nhau và theo quy định về tội phạm môi trường là những hành vi nguy hiểm cho môi trường cần phải loại bỏ thì nhất thiết phải xác định được hậu quả trong trường hợp này.

Thứ sáu, đối với các quy định về thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về chất thải y tế, Luật BVMT 2014 bổ sung quy định riêng về thanh tra, kiểm tra về môi trường các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm luật phù hợp với Luật BVMT năm 2014, tạo điều kiện thuận lợi cho các bệnh viện thực hiện tốt các quy định của nhà nước về BVMT. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, phát hiện kịp thời các sai phạm để kịp thời chấn chỉnh đối với các bệnh viện gây ô nhiễm môi trường, đi đôi với việc áp dụng các chế tài, xử phạt nghiêm khắc có tác dụng răn đe, ngăn ngừa vi phạm.

Thứ bảy, trên cơ sở các quy định của Điều 105, 106 và 107 Luật BVMT 2014, cần có quy định riêng về phục hồi môi trường bị ô nhiễm do CTYT để việc áp dụng các quy định chung về phục hồi môi trường nhằm giải quyết vấn đề ÔNMT do CTYT được thuận lợi và hiệu quả cao.

Thứ tám, trên cơ sở Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, cần có văn bản hướng dẫn về đối tác công tư trong xử lý chất thải y tế, tạo lập môi trường bình đẳng, minh bạch, hiệu quả và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia mạnh mẽ hơn trong việc đầu tư vào các dự án xử lý chất thải theo hình thức đối tác công tư. Giúp giảm gánh nặng đầu tư ban đầu cho các bệnh viện và chi trả cho nhà đầu tư chi phí vận hành hàng tháng trong giới hạn cho phép của ngân sách. Ngoài ra, các nhà đầu tư không chỉ cung ứng vốn, mà còn chuyển giao các phát minh, các công nghệ mới, cũng như kỹ năng quản trị tốt.

Thứ chín, Công ước Minamata về Thủy ngân đưa ra quy định kiểm soát các hoạt động liên quan đến sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh, phân phối, vận chuyển, sử dụng, lưu trữ và thải bỏ thủy ngân nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe con người và môi trường do phát thải nhân sinh của thủy ngân và các hợp chất thủy ngân. Các quốc gia thành viên sau khi ký kết sẽ có lộ trình đến giai đoạn năm 2020- 2025 để thực thi các quy định của Công ước. Ở nước ta trong thông tư liên tịch Số: 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT Quy định về Quản lý chất thải y tế, tại điều 4 quy định chất hàn răng amalgam thải bỏ là một loại chất thải nguy hại không lây nhiễm cần phải xử lý. Các chất thải chứa thủy ngân khác đều là chất thải nguy hại và phải xử lý theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP về Quản lý chất thải và phế liệu. Để thực thi Công ước Minamata cần xây dựng và ban hành các quy định pháp luật về kiểm soát chất thải y tế có chứa thủy ngân và dần tiến tới loại bỏ các dụng cụ y tế có chứa thủy ngân nhằm giảm thiểu tác hại của thủy ngân đối với sức khỏe và môi trường sống của cộng đồng.

Thứ mười, ban hành các quy định xác định rõ vai trò, quyền hạn, trách nhiệm, phân định nhiệm vụ giữa Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng dân cư trong việc giám sát công tác quản lý,

cũng như chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở có nguồn phát sinh CTYT. Xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, phân định rõ rạch nhiệm của UBND tỉnh, thành phố, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan về trách nhiệm chỉ đạo thực hiện, bố trí nguồn lực, kiểm tra giám sát việc thực hiện các biện pháp khắc phục ÔNMT trong các CSYT của địa phương.

Thứ mười một, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác xử lý ô nhiễm triệt để, tạo hành lang pháp lý đồng bộ hoàn thành tiến độ theo yêu cầu của Quyết định số 1788/QĐ-TTg. Đồng thời, xây dựng và ban hành các văn bản quy định về chứng nhận cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường như: Thông tư quy định về chứng nhận cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường (thay thế Quyết định số 10/2006/QĐ-BTNMT ban hành quy định chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để theo quyết định số 64/2003/QĐ-TTg); Thông tư quy định về Tiêu chí xác định cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng (thay thế Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 8/5/2012 quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng).

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải y tế ở Việt Nam

3.3.1. Giải pháp khoa học và công nghệ

Sự phát triển kinh tế - xã hội đã và đang đặt ra nhiều thách thức cho công tác BVMT, đặc biệt là kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường. Từ thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về BVMT trong những năm qua cho thấy, việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong BVMT ngày càng trở nên quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý môi trường.

Những ứng dụng khoa học và công nghệ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quan trắc và kiểm soát chất lượng môi trường. Giải pháp hiệu quả nhất để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đi kèm với bảo vệ môi trường để hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững, bên cạnh việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống để hạn chế phát thải, thì sử dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để giải quyết các vấn đề môi trường hiện hữu, đặc biệt là rác thải y tế, là rất cần thiết.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đưa ra các chính sách nhằm khuyến cáo các quốc gia quan tâm đến quản lý CTYT, theo đó khuyến khích sử dụng các thiết bị bằng công nghệ không đốt để xử lý chất thải rắn y tế thay thế cho công nghệ đốt. Ở Việt Nam hiện nay đã áp dụng công nghệ không đốt (sử dụng phương pháp nhiệt độ thấp như nồi hấp khử trùng hoặc thiết bị vi sóng) để xử lý CTYT lây nhiễm và đã chứng minh được hiệu quả xử lý. Việc áp dụng các công nghệ không đốt trong xử lý CTYT lây nhiễm thay thế cho công nghệ đốt hiện nay là rất cần thiết, phù hợp với xu hướng chung của thế giới, góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam khi tham gia Công ước Stóckhôm về giảm phát thải không chủ định các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ công nghệ đốt.

Để áp dụng giải pháp khoa học và công nghệ cần có sự chung tay, góp sức của tất cả các cơ quan quản lý cũng như các nhà khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng để đưa nhanh, phát huy hết hiệu quả của các kết quả nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn, bằng những biện pháp cụ thể như:

+ Có rất nhiều công trình nghiên cứu về công nghệ tiên tiến xử lý chất thải y tế, tuy nhiên chúng ta còn gặp khó khăn trong chuyển giao, ứng dụng. Vì vậy, rất cần sự quan tâm, chính sách hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường cho các cơ sở phát sinh CTYT.

+ Nghiên cứu, đầu tư các công nghệ hiện đại để phòng ngừa ÔNMT do CTYT, để dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ÔNMT do CTYT.

+ Cần khuyến khích phát triển áp dụng các công nghệ và quy trình trong hoạt động y tế ít chất thải, công nghệ sạch, ít gây ô nhiễm môi trường

Để hoàn thành mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 không còn cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế cần yêu cầu Sở Y tế các tỉnh rà soát tổng thể các cơ sở y tế, bệnh viện công lập trực thuộc. Trên cơ sở đó sẽ xem xét thực trạng nhu cầu của từng đơn vị, lập danh mục các cơ sở y tế có hệ thống xử lý nước thải đã xuống cấp hoặc quá tải; cơ sở có nhu cầu cải tạo, nâng cấp... để báo cáo UBND các tỉnh xem xét bố trí ngân sách. Về việc xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo phương án: với các cơ sở y tế có khoảng cách gần nhau, có thể lựa chọn mô hình điểm tiếp nhận và lưu giữ chất thải theo cụm trước khi vận chuyển đến các khu xử lý tập trung. Còn với các cơ sở y tế ở khu vực có khoảng cách xa, khối lượng và thành phần chất thải y tế phát sinh ít, cần xây dựng phương án liên kết, phối hợp theo mô hình cụm để việc thu gom, xử lý có hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Các cơ sở y tế không có điều kiện vận chuyển chất thải rắn y tế đến các khu xử lý tập trung hoặc theo cụm có thể lựa chọn hướng xử lý tại chỗ. Tất nhiên, việc xử lý chất thải y tế tại chỗ phải áp dụng công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường.

Xây dựng các cơ chế tương tác giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với người dân trong việc kiểm soát ÔNMT do CTYT như công cụ Facebook, Internet, Email, Zalo... để các thông tin về tình hình môi trường xung quanh khu dân cư gần các nguồn CTYT cũng như hoạt động của các chủ nguồn CTYT được giám sát kịp thời và hạn chế hậu quả của ÔNMT.

3.3.2. Giải pháp xã hội hóa hoạt động kiểm soát chất thải y tế

Xã hội hóa công tác BVMT chính là việc huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các tổ chức xã hội và cộng đồng

tham gia các hoạt động BVMT, là việc huy động sự tham gia của toàn xã hội vào sự nghiệp BVMT của đất nước. Để đạt được mục đích đó trong lĩnh vực kiểm soát ÔNMT do CTYT cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bệnh viện trong kiểm soát ÔNMT do CTYT và thực hiện các quy định về BVMT. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật, các thông tin về BVMT cho cán bộ y tế, người bệnh... trong các bệnh viện.

- Xây dựng và thực hiện các mô hình hợp tác công tư, nhà nước và nhân dân cùng làm trong kiểm soát CTYT, đặc biệt là trong việc khắc phục, cải tạo các điểm nóng về môi trường. Việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác giữa chính phủ và khu vực tư nhân (hợp tác công-tư, PPP) sẽ góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy các sáng kiến môi trường bền vững. Tạo lập môi trường bình đẳng, minh bạch, hiệu quả và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia mạnh mẽ hơn trong việc đầu tư vào các dự án xử lý chất thải theo hình thức đối tác công tư.

- Tổ chức truyền thông rộng rãi, nâng cao nhận thức, tổ chức các diễn đàn kêu gọi đầu tư vào các công trình, dự án, hoạt động liên quan đến CTYT có công nghệ thân thiện với môi trường. Tăng cường cơ chế trao đổi thông tin liên quan đến lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho khối tư nhân có nhu cầu tham gia công tác xã hội hóa xử lý CTYT.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hơn các phong trào BVMT trong nhân dân, đặc biệt cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phi chính phủ, của cộng đồng trong việc giám sát và thực thi các quy định pháp luật về BVMT. Xây dựng các quy định cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của cộng đồng. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng bằng việc công bố dự thảo báo cáo đánh giá tác động môi trường để lấy ý kiến của

người dân, các bên liên quan trước khi phê duyệt các quy hoạch phát triển và dự án cụ thể. Xác lập cơ chế khuyến khích, các chế tài hành chính sự nghiệp và thực hiện một cách công bằng, hợp lý đối với tất cả các cơ sở nhà nước và tư nhân khi tham gia BVMT. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật về kiểm soát ÔNMT do chất thải y tế ở địa phương. Khuyến khích mở rộng các phong trào tình nguyện tham gia trong công tác BVMT, kiểm soát ÔNMT do chất thải y tế. Nghiên cứu xây dựng mạng lưới tình nguyện viên về kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT trong cả nước. Xây dựng các cơ chế tương tác giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với người dân trong việc kiểm soát ÔNMT do CTYT.

3.3.3. Giải pháp tài chính

Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư nhằm thu hút tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực với cơ chế khuyến khích hợp lý, nhằm ngăn ngừa, khắc phục, xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bị ô nhiễm là giải pháp tài chính quan trọng. Huy động nguồn lực tài chính để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý CTYT từ các nguồn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương; Ngân sách địa phương; Kinh phí từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đặc biệt cần thiết huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào đầu tư, xử lý CTYT để giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

Bố trí kinh phí đầu tư các cơ sở xử lý chất thải y tế công ích ở các vùng, miền còn gặp nhiều khó khăn hoặc không có cơ sở xử lý như vùng núi, vùng biên giới, hải đảo... Có chính sách ưu đãi đối với lao động tham gia trực tiếp vào công tác thu gom, xử lý, vận chuyển CTYR.

Có chính sách ưu đãi với các dự án xử lý CTYT có công nghệ thân thiện với môi trường bằng các biện pháp như đưa ra các chính sách ưu đãi về

vốn, ưu đãi về thuế sử dụng đất, thuế bảo vệ môi trường, tiền thuê đất dự án, phí xử lý chất thải rắn, giá điện ... nhằm thu hút nguồn vốn xã hội hoá đầu tư vào lĩnh vực này

3.3.4. Giải pháp hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế về môi trường là một trong những nội dung quản lý nhà nước về BVMT được đề cập trong các Luật BVMT 2014 (khoản 11 Điều 139) và là giải pháp quan trọng trong các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia về môi trường Việt Nam chúng ta đang trong giai đoạn phát triển kinh tế nhanh và mạnh. Mặc dù đã đạt được những thành quả đáng khích lệ về kinh tế nhưng Việt Nam vẫn phải đang đối mặt với các vấn đề ô nhiễm môi trường như một hệ quả của việc phát triển. Để giải quyết vấn đề này, một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu được đề ra trong chiến lược bảo vệ môi trường Việt Nam là ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm. Trong những năm qua, thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế về môi trường, Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã triển khai hiệu quả các điều ước song phương, đa phương và kế hoạch hành động đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức trong lĩnh vực này. Qua đó có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, vận động tài trợ cho việc triển khai các nhiệm vụ của ngành, nhất là trong điều kiện ngân sách nhà nước còn khó khăn.

Để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về môi trường trong thời gian tới, chúng ta thay đổi tư duy về hợp tác quốc tế, chuyển từ quan niệm thụ động tiếp nhận viện trợ sang chủ động hội nhập, sẵn sàng cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi. Tăng cường đầu tư tài lực và nhân lực cho hợp tác quốc tế về môi trường; bố trí kinh phí để thực hiện các sáng kiến, các sự kiện do Việt Nam chủ trì, tiến tới cử đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế về môi trường. Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế của ngành; xác định các định hướng hợp tác chiến lược, tập trung vào những vấn đề vừa

giải quyết nhu cầu trong nước vừa đóng góp giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu và khu vực, nhất là chú trọng những vấn đề mới mà Việt Nam có lợi thể hiện nay...

Để triển khai, thu hút đầu tư vào lĩnh vực xử lý rác thải nên tổ chức đấu thầu công khai để đảm bảo cơ hội cho tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia một cách công khai, minh bạch và những chính sách ưu đãi để nhà đầu tư an tâm đầu tư lâu dài và cùng đạt được những kết quả tốt nhất.

Tăng cường các chương trình hợp tác, Hội thảo như “Hợp tác quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm”, để có thể tiếp thu được những kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ để giúp Việt Nam có lộ trình và bước đi phù hợp, hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường. Ở cấp độ toàn cầu bên cạnh các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường đã đạt được các quốc gia cần có thỏa thuận xây dựng các điều ước quy định cụ thể hơn về vấn đề này. Ở cấp độ khu vực Việt Nam và các nước của khối cũng như chính ASEAN cần thỏa thuận xây dựng những quy chuẩn chung về môi trường chất thải y tế, ứng phó phòng ngừa sự cố môi trường do CTYT, hỗ trợ các quốc gia thành viên về công nghệ, nguồn vốn để kiểm soát ô nhiễm môi do CTYT. Ở cấp độ song phương, Việt Nam cần hợp tác với các quốc gia láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia trong hợp tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, trong đó có ô nhiễm môi trường do CTYT. Bên cạnh đó, tận dụng quan hệ đối tác chiến lược với các nước có nền kinh tế phát triển như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Úc, Newzealand ... để kêu gọi sự hỗ trợ của các nước này về tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm trong kiểm soát ô nhiễm môi trường do CTYT, đặc biệt là thực hiện không nhập khẩu các sản phẩm, thiết bị dùng trong y tế có chứa thủy ngân vào năm 2020 như Công ước Minamata đã ký kết.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận tại Chương 1 và thực trạng pháp luật tại Chương 2, Chương 3 của Luận văn đã làm sáng tỏ các nội dung sau:

Một là, hoàn thiện pháp luật quản lý CTYT là một hoạt động hết sức cần thiết và tất yếu. Sự cần thiết đó dựa trên quan điểm của Đảng chỉ đạo về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Bên cạnh đó trong quá trình thực hiện pháp luật cũng đã nảy sinh nhiều hạn chế, bất cập. Việc hoàn thiện pháp luật sẽ đảm bảo một cơ chế pháp lý tốt cho quá trình quản lý CTYT lâu dài, hiệu quả. Đảm bảo được quyền cho con người được sống trong môi trường trong lành, giảm thiểu mọi rủi ro về sức khỏe với cộng đồng dân cư.

Hai là, hoàn thiện pháp luật quản lý CTYT phải đảm bảo tốt các yêu cầu về tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước. Bên cạnh đó cũng phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với các cam kết của Việt Nam khi tham gia các điều ước, công ước quốc tế.

Ba là, bên cạnh các giải pháp chung về hoàn thiện pháp luật, cần chú ý tập trung đến các giải pháp cụ thể như hoàn thiện các tiêu chuẩn về kỹ thuật môi trường. Đây là những tiêu chuẩn mang tính kỹ thuật nhưng được quy định bằng pháp luật và được xem như là công cụ chính để đánh giá việc thực hiện kiểm soát ÔNMT do CTYT. Việc hoàn thiện các quy định về trách nhiệm pháp lý khi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết nhằm tạo cơ sở răn đe, giảm thiểu vi phạm. Đồng thời cần có chính sách khuyến khích đầu tư “công – tư” trong lĩnh vực quản lý CTYT. Các biện pháp mềm nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cũng cần được triển khai đồng thời nhằm mang lại hiệu quả quản lý bằng pháp luật tốt nhất.

KẾT LUẬN

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định quan điểm phát triển hiệu quả và bền vững. Trong hoàn cảnh môi trường đang bị suy thoái nghiêm trọng, các điểm nóng về môi trường ngày càng đặt ra vấn đề bức xúc về môi trường nói chung và CTYT nói riêng. Để góp phần giải quyết vấn đề đó, yêu cầu về hoàn thiện pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT là rất quan trọng, điều đó sẽ tạo nên hành lang pháp lý cho các chủ thể trong mối quan hệ liên quan đến CTYT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Mặt khác, pháp luật của nước ta vẫn chưa được hoàn thiện, hiệu lực chưa cao, ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng các đối tượng gây ô nhiễm còn hạn chế, điều kiện và khả năng giám sát của các cơ quan quản lý môi trường còn nhiều khó khăn.

Để pháp luật về kiểm soát ÔNMT do CTYT ở Việt Nam thực sự hiệu quả, chúng ta cần phải có các biện pháp hoàn thiện như: Xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật đồng bộ, thống nhất; Xây dựng các quy chuẩn mới về môi trường cho phù hợp với quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014; Xây dựng hành lang pháp lý tạo điều kiện cho các hợp đồng hợp tác công tư trong quản lý CTYT, tạo điều kiện cho nhiều cá nhân được tham gia vào quá trình xử lý, tái chế CTYT.

Bảo vệ môi trường nói chung và thực hiện tốt kiểm soát ÔNMT do CTYT nói riêng là một công việc thường xuyên, lâu dài. Chúng ta phải coi phòng ngừa là chính, kết hợp với xử lý và kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường, tiến hành có trọng điểm, trọng tâm và áp dụng khoa học công nghệ, các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường bên cạnh các biện pháp pháp lý nhằm nâng cao pháp chế trong lĩnh vực môi trường.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
2. Bộ Chính Trị; Nghị quyết số 48/2005/NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Y tế; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT- BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường-Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế.
6. Bộ Y tế; Quyết định số 86/QĐ-BYT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ của Cục quản lý Môi trường y tế.
7. Bộ Y tế; Quyết định 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế quản lý chất thải y tế.
8. Chính phủ; Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định về điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
9. Chính phủ; Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

10. Chính phủ; Nghị định 19/2015 ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường 2014

11. Chính phủ; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ : Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

12. Chính phủ; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu

13. Chính phủ; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ: Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT có hiệu lực từ 01/7/2019

14. Chính phủ; Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/10/2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020

15. Bùi Đức Hiền (2016), “*Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 16. Phạm Hồng Ngọc (2016), “*Pháp luật về quản lý chất thải y tế từ thực tiễn thành phố Hà Nội*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

17. Quốc Hội (2005); Bộ luật Dân sự

18. Quốc Hội(2006); Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

19. Quốc Hội (2005); Luật bảo vệ môi trường

20. Quốc Hội(2014); Luật Bảo vệ Môi trường

21. Quốc Hội (2015); Bộ Luật Dân sự

22. Quốc Hội(2015); Bộ luật Hình sự

23. Quốc Hội (2012); Luật Xử lý vi phạm Hành chính

24. Lưu Ngọc Tố Tâm (2012), “*Pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trong hoạt động hàng hải ở Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

25. Sổ tay hướng dẫn quản lý chất thải y tế (2014); ban hành kèm Quyết định số 105/QĐ-MT ngày 03/7/2014 của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế

26. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011); Giáo trình Luật Môi trường, NxbCAND, Hà Nội

27. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014); Giáo trình Luật Môi trường, Nxb CAND, Hà Nội

28. <https://vi.wikipedia.org/wikii>, ngày 01/5/2019

29. <http://vnniosh.vn/Details/id/6804/Anh-huong-cua-chat-thai-y-te-toi-suc-khoe-va-moi-truong>, ngày 5/5/2019

30. <https://thukyluat.vn/vb/cong-uoc-basel-1989-kiem-soat-van-chuyen-qua-bien-gioi-cac-phe-thai-nguy-hiem-va-viec-tieu-huy-chung-109c8.html>, ngày 05/5/2109

31. <http://thechtnmt.vhv.vn/pl-quoc-te/gioi-thieu-cac-dieu-uoc-quoc-te-tn-mt/cong-uoc-minamata-nam-2013-ve-thuy-ngan.html>, ngày 06/5/2019

32. <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-trên-thế-giới-trong-quản-lý-chất-thải-y-tế-41225> , ngày 07/5/2019

33. <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Nâng-cao-hiệu-quả-hoạt-động-quan-trắc-môi-trường-trong-các-bệnh-viện-hiện-nay-46494>, ngày 12/5/2019

34. <https://dantri.com.vn/xa-hoi/benh-vien-2700-ty-thieu-danh-gia-tac-dong-moi-truong-phat-400-trieu-20170803130023644.htm>, ngày 14/5/2019

35. <https://daklak.gov.vn/-/xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-benh-vien-a-khoa-thanh-pho-buon-ma-thuot>, ngày 14/5/2019

36. <https://baomoi.com/quang-binh-co-uu-ai-cho-nhung-vi-pham-cua-benh-vien-viet-nam-cu-ba/c/27797301.epi>, ngày 14/5/2019

37.vihema.gov.vn, ngày 03/5/2019

38.vihema.gov.vn/chat-thai-y-te-la-gi-dinh-nghia-phan-loai-vi-du-va-honthe nua.html, ngày 2/5/2019.

39. http://nhandan.org.vn/nation_news/item/31551302-can-kiem-soat-chat-che-quy-trinh-xu-ly-chat-thai-y-te.html

40. <http://dwrn.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Tai-nguyen-nuoc/Cham-xu-ly-cac-co-so-o-nhiem-nghiem-trong-trong-nganh-y-te-6119>